

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA MÔI TRƯỜNG**

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KHẮC PHỤC Ô NHIỄM MÔI
TRƯỜNG TẠI 47 LÀNG NGHỀ TRONG DANH MỤC CÁC
LÀNG NGHỀ BỊ Ô NHIỄM NGHIÊM TRỌNG TRONG THỜI
GIAN QUA VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP PHÙ HỢP**

Người thực hiện: Ths. Nguyễn Mai Hoa



HÀ NỘI, THÁNG 6/2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	I
DANH MỤC BẢNG	1
DANH MỤC HÌNH	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	2
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM	3
1.1. Sự hình thành và phát triển các làng nghề	3
1.2. Sự phân bố làng nghề theo nhóm ngành nghề	4
1.3. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội	5
1.3.1. Tạo việc làm cho người lao động và giảm thời gian nông nhàn ở nông thôn.....	5
1.3.2. Tăng thu nhập và cải thiện đời sống người lao động.....	5
1.3.3. Khai thác các nguồn lực nhân rỗi và nguyên, vật liệu tại địa phương.....	6
1.3.4. Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương và phát triển du lịch.....	7
1.3.5. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn.....	8
1.4. Các áp lực đến môi trường từ các hoạt động của sản xuất làng nghề	9
1.5. Ô nhiễm môi trường làng nghề	10
1.6. Danh mục 47 làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng	12
CHƯƠNG 2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KHẮC PHỤC Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI 47 LÀNG NGHỀ	17
2.1. Tình hình xây dựng và thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm theo Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường	17
2.1.1. Về quy hoạch chuyển đổi ngành nghề.....	17
2.1.2. Về xây dựng các dự án xử lý ô nhiễm môi trường.....	18
2.1.1. Nhóm các làng nghề sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí.....	21
2.1.2. Nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm.....	24
2.1.3. Nhóm các làng nghề tái chế phế liệu.....	29
2.1.4. Nhóm các làng nghề dệt nhuộm, thuộc da.....	33
2.1.5. Nhóm các làng nghề thủ công mỹ nghệ.....	35
2.1.6. Nhóm các làng nghề chăn nuôi, giết mổ.....	37
2.1.7. Nhóm các làng nghề vật liệu xây dựng.....	38
2.2. Tình hình ban hành và thực hiện các chính sách pháp luật về BVMT làng nghề	38
2.2.1. Chính sách pháp luật về BVMT làng nghề cấp Trung ương.....	38
2.2.2. Chính sách pháp luật về BVMT làng nghề tại các địa phương.....	40

CHƯƠNG 3: NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC BVMT LÀNG NGHỀ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ PHÙ HỢP	44
3.1. Những khó khăn, tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề.....	44
3.1.1. Vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định pháp luật về BVMT làng nghề	44
3.1.2. Khó khăn về hạ tầng, cơ sở vật chất về BVMT	45
3.1.3. Hạn chế về quy mô và công nghệ sản xuất	45
3.1.4. Nhận thức về BVMT của các chủ cơ sở sản xuất làng nghề còn hạn chế...	45
3.1.5. Khó khăn về nguồn lực.....	46
3.2. Đề xuất một số giải pháp quản lý phù hợp.....	46
3.2.1. Nhóm các giải pháp chung	47
3.2.2. Các giải pháp riêng cho từng nhóm ngành làng nghề	48
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	53

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Đặc thù chất thải từ sản xuất của một số loại hình làng nghề.....	11
Bảng 1.2. Danh mục các làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng cần xử lý theo đơn vị hành chính (cũ)	12
Bảng 2.1. Hiện trạng quy hoạch chuyển đổi ngành nghề tại các làng nghề.....	17
Bảng 2.2. Một số hoạt động xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí.....	21

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Phân bố các làng nghề theo loại hình ngành nghề sản xuất	16
Hình 2.1. Hiện trạng xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.....	20

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải nghĩa
1	BVMT	Bảo vệ môi trường
2	LTTP	Lương thực thực phẩm
3	NTSH	Nước thải sinh hoạt
4	ONMT	Ô nhiễm môi trường
5	XLNT	Xử lý nước thải
6	TNMT	Tài nguyên Môi trường
7	Tp.	Thành phố
8	UBND	Ủy ban nhân dân

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng môi trường đang nảy sinh nhiều hệ lụy phức tạp, trong đó nổi lên một số vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2014 – Môi trường nông thôn (Bộ Tài nguyên và Môi trường), chất lượng môi trường tại hầu hết khu vực sản xuất trong các làng nghề nông thôn đều không đạt tiêu chuẩn. Các nguy cơ mà người lao động tiếp xúc khá cao: 95% người lao động có nguy cơ tiếp xúc với bụi, 86,9% tiếp xúc với nhiệt, 59,6% tiếp xúc với hóa chất.

Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2021 chỉ rõ cả nước có hơn 4.500 làng nghề, trong đó có khoảng 2.000 làng nghề được công nhận. Các làng nghề phân bố không đồng đều giữa các vùng, miền (miền Bắc khoảng 60%, miền Trung 30%, miền Nam 10%). Trong đó, các làng nghề có quy mô nhỏ, trình độ sản xuất thấp, thiết bị cũ và công nghệ lạc hậu, nằm xen kẽ tại các khu dân cư chiếm phần lớn (trên 70%). Các làng nghề được công nhận tập trung nhiều tại các tỉnh, thành phố như: Hà Nội (313 làng), Thái Nguyên (263 làng), Thái Bình (117 làng), Ninh Bình (75 làng), Nam Định (72 làng)...

Trong thời gian qua, công tác BVMT khu vực nông thôn nói chung và làng nghề nói riêng đã từng bước được quan tâm bởi chính quyền các cấp và có những chuyển biến tích cực. Đặc biệt là việc triển khai thực hiện các nội dung tiêu chí về môi trường, để xem xét, công nhận nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu góp phần BVMT sinh thái ở khu vực nông thôn, giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy vậy, môi trường tại các làng nghề vẫn còn nhiều bất cập. Theo Báo cáo công tác BVMT của Bộ NN&PTNT năm 2020 [3], chỉ có 16,1% làng nghề có hệ thống XLNT tập trung đạt yêu cầu về BVMT; tỷ lệ làng nghề có điểm thu gom CTR công nghiệp chỉ đạt 20,9%. Theo báo cáo thực hiện công tác làng nghề tại một số địa phương cho thấy chất thải rắn, nước thải, khí thải ở nhiều các làng nghề chưa được xử lý triệt để; nhiều làng nghề xả thải bừa bãi gây tác động xấu tới cảnh quan môi trường, gây ô nhiễm môi trường không khí, nước và đất nhưng chưa có thống kê cụ thể về khối lượng phát sinh tại các làng nghề. Nhiều làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, tái chế phế liệu (giấy, nhựa, kim loại,...) phát sinh khối lượng chất thải rắn rất lớn sau quá trình sản xuất. Khối lượng chất thải rắn này không được thu gom, xử lý mà được xả thẳng ra các khu vực công cộng, đặc biệt là ao hồ, bờ đê gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước, ô nhiễm nghiêm trọng nước mặt, nước dưới đất, bốc mùi hôi thối và làm mất mỹ quan khu vực nông thôn.

Thực trạng ô nhiễm môi trường nước tại các làng nghề hiện đang là đáng báo động. Phần lớn tại các làng nghề đều chưa có các biện pháp xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường. Nước mặt tại các kênh rạch, sông hồ ở đây đều bị ô nhiễm ở các mức độ khác nhau.

Thực hiện Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, trong đó yêu cầu tổ chức khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện công tác khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng để đề xuất xây dựng phương án xử lý, biện pháp giám sát, quản lý và huy động nguồn lực nhằm đẩy nhanh tiến độ khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Năm 2018, Vụ Quản lý chất lượng môi trường đã thực hiện nhiệm vụ “Tổ chức hướng dẫn triển khai nội dung Khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng”. Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án bảo vệ môi trường làng nghề; Chiến lược bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về những vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 113/2015/QH13 của Quốc hội về giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, việc xây dựng và triển khai nhiệm vụ là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhằm đẩy mạnh tiến độ thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, đặc biệt là 47 làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng, cụ thể là xây dựng các phương án xử lý, công khai thông tin về hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, tích cực tuyên truyền vận động các hộ gia đình trong làng nghề bị ô nhiễm chủ động triển khai các giải pháp xử lý ô nhiễm, tăng cường giám sát và tạo sức ép của cộng đồng tại các làng nghề bị ô nhiễm đối với việc thực hiện xử lý ô nhiễm, đặc biệt là tại các địa phương phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, việc ***“Đánh giá thực trạng khắc phục ô nhiễm môi trường tại 47 làng nghề trong danh mục các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng trong thời gian qua và đề xuất các giải pháp phù hợp”*** là một nhiệm vụ cấp thiết.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHUNG VỀ LÀNG NGHỀ Ở VIỆT NAM

1.1. Sự hình thành và phát triển các làng nghề

Làng nghề và làng nghề truyền thống xuất hiện từ rất lâu đời ở Việt Nam, có nơi có lịch sử phát triển hàng trăm năm, thậm chí tới cả nghìn năm. Như làng nghề đúc đồng Đại Bái (Bắc Ninh) với gần nghìn năm phát triển, làng nghề nấu rượu truyền thống xã Vân Hà huyện Việt Yên (Bắc Giang) trên 600 năm, gốm Bát Tràng (Hà Nội) gần 500 năm; chạm bạc Đồng Xâm (Thái Bình); điêu khắc Non Nước (Tp. Đà Nẵng) đều có lịch sử hơn 400 năm. Sự phát triển của các làng nghề truyền thống đã có nhiều thay đổi qua các thời kỳ lịch sử của đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Sản phẩm của từ các làng nghề ban đầu được sản xuất để phục vụ sinh hoạt hàng ngày hoặc là công cụ sản xuất nông nghiệp. Kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất cơ bản để làm ra các sản phẩm này được truyền từ thế hệ này sang các thế hệ khác. Trước đây, làng nghề không chỉ là trung tâm sản xuất sản phẩm thủ công mà còn là điểm văn hóa của khu vực, vùng miền. Làng nghề là nơi hội tụ những thợ thủ công có tay nghề cao với tên tuổi gắn liền với sản phẩm trong làng. Ngoài ra, làng nghề cũng là điểm tập kết nguyên vật liệu, nơi tập trung những tinh hoa trong sản xuất sản phẩm. Ngày nay các mặt hàng sản phẩm của làng nghề không chỉ để phục vụ sinh hoạt hàng ngày của con người tại địa phương mà còn đáp ứng các nhu cầu thực tế của thị trường trong cả nước và quốc tế.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của chương trình nông thôn mới, làng nghề đang và thay đổi nhanh chóng theo nền kinh tế thị trường, các hoạt động sản xuất tiểu thủ công công phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu được tạo điều kiện phát triển. Quá trình công nghiệp hóa cùng với việc áp dụng các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, thúc đẩy sản xuất tại các làng nghề đã làm tăng mức bình quân thu nhập của người dân, các công nghệ mới đang ngày càng được áp dụng phổ biến. Các làng nghề mới và các cụm làng nghề không ngừng được khuyến khích phát triển nhằm đạt được sự tăng trưởng, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định ở khu vực nông thôn.

Làng nghề đã và đang được hình thành tại hầu hết các tỉnh ở Việt Nam. Do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau như vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, mật độ phân bố dân cư, điều kiện xã hội và truyền thống lịch sử, sự phân bố và phát triển làng nghề giữa các vùng của nước ta là không đồng đều, thông thường tập trung ở những khu vực nông thôn đông dân cư nhưng ít đất nông nghiệp, có nguồn lao động dồi dào. Những tỉnh, thành phố có số lượng làng nghề và làng nghề truyền thống đã được công nhận nhiều nhất trên cả nước: Hà Nội (297 làng nghề truyền thống/305 làng nghề), tỉnh Nghệ An (141 làng nghề), tỉnh Thái Bình (247 làng nghề) và tỉnh Thái Nguyên (238 làng nghề). Đồng thời, có 12 tỉnh, thành phố không có làng nghề được công nhận như: Bắc Kạn,

Cao Bằng, Điện Biên, Lạng Sơn, Sơn La, Đắk Nông, Kon Tum, Đồng Nai, Gia Lai, Hậu Giang, Bình Phước, Cà Mau.

Các làng nghề ở nước ta chủ yếu tập trung tại những vùng nông thôn, vì vậy, khái niệm làng nghề luôn được gắn với nông thôn. Tuy nhiên, hiện nay do xu thế đô thị hóa, nhiều khu vực nông thôn đã trở thành đô thị, nhưng vẫn duy trì nét sản xuất văn hóa truyền thống, chính điều này đã tạo ra “lỗ hổng” trong chính sách phát triển và hành lang pháp lý về quản lý làng nghề.

Làng nghề tập trung nhiều nhất ở miền Bắc, chiếm từ 60 - 70% trong đó đồng bằng sông Hồng chiếm khoảng 50%, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bắc Ninh; Hưng Yên, Hà Nội, Thái Bình, Nam Định... Ở miền Trung chiếm khoảng 23,6%, tập trung nhiều ở các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên Huế. Ở miền Nam chiếm khoảng 16,4% tập trung tại các tỉnh Đồng Nai, Bình ương, Cần Thơ. Nhìn chung, các làng nghề ở khu vực miền Trung và miền Nam tương đối đơn điệu, tập trung chủ yếu vào làm thủ công mỹ nghệ, chế biến thủy hải sản, chế biến lương thực và thực phẩm.

Với đặc điểm phân bố nêu trên, tại các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng, với đặc điểm diện tích chật hẹp, mật độ dân cư cao, hoạt động sản xuất quy mô công nghiệp và bán công nghiệp gắn liền với sinh hoạt, nên các hậu quả của ô nhiễm môi trường là rõ rệt nhất. Trong khi đó, tại các tỉnh miền Trung và miền Nam, do phân bố các làng có nghề khá thưa thớt, diện tích đất rộng, nên tuy vẫn nằm xen kẽ trong các khu dân cư nhưng hậu quả môi trường bị tác động chưa đến mức đáng báo động như miền Bắc. Hơn nữa, do đặc điểm phát triển nên tại các tỉnh miền Trung và miền Nam, làng nghề vẫn mang đậm nét thủ công truyền thống, tận dụng nhân công nhàn rỗi tại chỗ và nguyên vật liệu địa phương, phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cộng đồng dân cư quanh vùng, nên thực chất, phát triển làng nghề một cách có định hướng tại các khu vực này là hết sức cần thiết.

1.2. Sự phân bố làng nghề theo nhóm ngành nghề

Làng nghề truyền thống phân bố và có mật độ không đều giữa các vùng miền trên phạm vi toàn quốc và phản ánh những nét đặc thù của các dân tộc anh em. Ví dụ, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số thì nghề dệt thổ cẩm, đan lát, nghề gốm là những thế mạnh, mang nặng tính tự cung tự cấp, ở vùng đồng bằng hoạt động làng nghề rất đa dạng từ những hoạt động sản xuất các công cụ sản xuất nông nghiệp đến những hoạt động đòi hỏi kỹ năng tay nghề cao như chạm bạc, đúc đồng làm các vật dụng thờ cúng...

Theo báo cáo về các loại hình sản xuất của các làng nghề tại các địa phương cho thấy loại hình sản xuất của các làng nghề cũng rất đa dạng, được phân thành 08 nhóm ngành nghề:

- Nhóm làng nghề thủ công mỹ nghệ: chiếm khoảng 38%;
- Nhóm làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm: chiếm 24%.
- Nhóm làng nghề dệt, nhuộm, thuộc da: chiếm 5%;
- Nhóm làng nghề gia công cơ kim khí: chiếm 4%;
- Nhóm làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng: chiếm 3%;
- Nhóm làng nghề chăn nuôi, giết mổ gia súc: chiếm 1%;
- Nhóm làng nghề tái chế chất thải: chiếm 1%;
- Nhóm các loại hình làng nghề khác: chiếm 24%.

1.3. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội

1.3.1. Tạo việc làm cho người lao động và giảm thời gian nông nhàn ở nông thôn

Với đặc điểm chủ yếu của làng nghề là sản xuất thủ công và sử dụng nhiều sức lao động. Làng nghề đóng góp tích cực về tạo việc làm ở nhiều địa phương. Số lượng lao động của các cơ sở sản xuất rất đa dạng, tùy theo quy mô của cơ sở sản xuất và ngành nghề của làng nghề. Các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ hộ gia đình sử dụng lao động thường xuyên từ 2 đến 5 người. Tuy nhiên, các cơ sở sản xuất quy mô lớn sử dụng lao động đến hàng chục người, có khi lên đến hàng trăm người. Số lượng lao động tham gia sản xuất phi nông nghiệp còn nhiều hơn nếu tính cả lao động thời vụ. Làng nghề còn có nhiều đóng góp ý nghĩa khác, tạo việc làm cho lao động lớn tuổi, lao động có trình độ văn hóa thấp hay lao động có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Những lao động này nếu không tham gia sản xuất phi nông nghiệp sẽ khó tìm được việc làm ở các khu công nghiệp hay những công việc khác. Các làng nghề truyền thống ở khu vực ngoại thành và nông thôn như: Làng nghề sản xuất da dày Nghĩa Huy, xã Hoàng Diệu, Gia Lộc, Hải Dương; Làng nghề bánh tráng Chợ Lầu, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận, làng nghề làm miến làng phượng, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định... là những điển hình làng nghề tạo thêm việc làm cho người lao động nông nhàn ở nông thôn và tăng thu nhập cho họ. Bên cạnh đó, các cơ sở có quy mô sản xuất lớn không chỉ tạo việc làm cho lao động ở chính địa phương mà còn sử dụng lao động đến từ những địa phương khác như: Làng nghề sản xuất giấy Phong Khê, Bắc Ninh; Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, Hưng Yên; Làng nghề tái chế phế liệu phường Tràng Minh, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng... Những hoạt động này cho thấy làng nghề có vai trò tích cực về tạo việc làm cho người lao động ở nông thôn.

1.3.2. Tăng thu nhập và cải thiện đời sống người lao động

Cùng với vai trò tạo việc làm, các làng nghề còn góp phần tăng thu nhập cho cơ sở sản xuất và người lao động. Các làng nghề đã thu hút phần lớn các hộ gia đình ở làng nghề tham gia sản xuất, trở thành các cơ sở sản xuất của làng nghề. Hầu hết cơ sở sản

xuất ở các làng nghề sống và có thu nhập chính từ hoạt động phi nông nghiệp. Làng nghề ngoài tạo ra thu nhập cho cơ sở sản xuất còn mang lại thu nhập cho lao động làm việc tại cơ sở sản xuất ở làng nghề. Khu vực làng nghề tạo việc làm và mang lại thu nhập cho nhiều lao động khác nhau như lao động lớn tuổi, lao động trình độ thấp, đặc biệt là lao động nông nhân không thể tách rời bỏ nông nghiệp ở nông thôn. Nếu so sánh thu nhập của lao động nông nghiệp thì thu nhập của lao động khu vực làng nghề cao hơn khoảng 2 - 4 lần, đặc biệt là chi phí về lao động và diện tích sử dụng đất thấp hơn nhiều so với sản xuất nông nghiệp. Hiện nay nhiều khu vực nông thôn diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa. Nếu dân cư ở đây sống chỉ bằng nghề nông thì thu nhập không ổn định và dư thừa một lượng lớn lao động. Chỉ có làng nghề mới giúp dân cư ở làng có việc làm và thu nhập để ổn định cuộc sống. Ngoài ra, làng nghề còn tạo ra cơ hội phát triển cho nhiều ngành nghề có liên quan khác như: cung ứng nguyên, vật liệu hay tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Kết quả khảo sát các làng nghề cho thấy nhiều doanh nghiệp, hộ gia đình có nguồn thu nhập chính từ cung ứng nguyên, vật liệu hoặc tiêu thụ sản phẩm cho làng nghề. Rõ ràng làng nghề không chỉ mang lại thu nhập cho người lao động trực tiếp tham gia sản xuất phi nông nghiệp mà còn tạo ra thu nhập cho lao động làm việc ở các ngành nghề liên quan đến làng nghề.

Các làng nghề còn góp phần cải thiện đời sống của dân cư làng nghề, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa nông thôn mới. Kinh nghiệm cho thấy mức sống của dân cư ở làng nghề thường cao hơn dân cư ở làng thuần nông. Nhiều hộ gia đình làng nghề có nhà cửa khang trang, mua sắm các vật dụng gia đình và sinh hoạt tiện nghi hơn các hộ gia đình ở các làng nghề thuần nông. Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực có làng nghề phi nông nghiệp phát triển là 3,7% thấp hơn nhiều so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên cả nước là 10,4%. Hệ thống cơ sở hạ tầng gồm điện, đường sá, nước và cầu cống ở các làng nghề được đầu tư kiên cố và hiện đại hơn so với làng thuần nông. Những lao động có trình độ văn hóa cao đã chuyển sang làm việc ở các khu công nghiệp. Tuy nhiên, các khu công nghiệp chỉ tạo việc làm cho lao động trẻ, có trình độ văn hóa và tay nghề. Phân tích trên cho thấy vai trò của làng nghề về tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho lao động ở làng nghề. Bên cạnh đó, làng nghề còn thúc đẩy quá trình hiện đại hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

1.3.3. Khai thác các nguồn lực nhân rồi và nguyên, vật liệu tại địa phương

Các cơ sở sản xuất ở làng nghề có quy mô nhỏ, vừa cho đến lớn nên phù hợp với năng lực và quy mô của các loại hình sản xuất. Vốn kinh doanh của các cơ sở ở các làng nghề đa dạng, tùy thuộc vào ngành nghề và quy mô cơ sở sản xuất của nó nhưng đa số cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ và vốn đầu tư thấp. Chẳng hạn như các cơ sở sản xuất ở các làng nghề bánh tráng, nấu rượu, làm bún, chế biến tinh bột sắn... thường có vốn kinh doanh nhỏ khoảng 3 - 5 triệu đồng nên hộ gia đình ở làng đều có thể đầu tư vốn

tham gia sản xuất. Với mức vốn đầu tư không lớn, trong điều kiện hiện nay đó là một lợi thế để các làng nghề có thể huy động các loại vốn nhân rồi của dân vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các làng nghề huy động hiệu quả lực lượng lao động nhân rồi tham gia sản xuất. Ở nhiều làng nghề như: bánh tráng, sản xuất giày da, gia công cơ kim khí, dệt nhuộm, làm bún, bánh... có thể linh hoạt sản xuất khu nông nhân hay vào bất kỳ thời điểm nào rảnh rỗi. Làng nghề cũng thúc đẩy các cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp, linh hoạt và ít rủi ro phát triển nhưng mang lại hiệu quả kinh tế xã hội ý nghĩa nông thôn của nhiều địa phương. Sản phẩm của các làng nghề rất đa dạng được sử dụng phổ biến trong cuộc sống hàng ngày như: bánh tráng, bún, cá khô, dệt may, điêu khắc... Để sản xuất những sản phẩm này các làng nghề rất cần nhiều loại nguyên liệu đầu vào khác nhau, đa số nguyên liệu phục vụ sản xuất của làng nghề có thể khai thác trong nước. Nhiều địa phương có tiềm năng nuôi, trồng nguyên liệu, tạo ra vùng nguyên liệu lớn, cung cấp ổn định cho các làng nghề. Vì đa số nguyên liệu phục vụ sản xuất của làng nghề có thể nuôi, trồng trong nước nên chi phí sản xuất thấp và giá trị gia tăng của sản phẩm làng nghề cao. Vì vậy, phát triển làng nghề để khai thác nguồn lực nhân rồi như nhân lực, vốn, đất đai và nguyên liệu vào sản xuất hàng xuất khẩu là hướng đi thích hợp cho khu vực nông thôn của Việt Nam.

1.3.4. Bảo tồn các giá trị văn hóa địa phương và phát triển du lịch

Lịch sử phát triển làng nghề luôn gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Làng nghề là phương thức sản xuất truyền thống, có bề dày lịch sử lâu đời, là nơi hội tụ và kết tinh những nét văn hóa truyền thống đặc trưng của Việt Nam. Mỗi làng nghề có một lịch sử về nguồn gốc hình thành và phát triển tạo nên bản sắc văn hóa riêng của từng làng nghề. Nhiều làng nghề đã nổi bật lên trong lịch sử văn hóa, văn minh của Việt Nam. Làng nghề còn thể hiện nét văn hóa qua các hoạt động như lễ hội, hoạt động mua bán sản phẩm và phong cảnh của làng nghề. Các hoạt động lễ hội thụ hưởng thành quả lao động sau một năm làm việc vất vả hay hoạt động giỗ Tổ bày tỏ sự tri ân đến ông Tổ của làng nghề hàng năm là những hoạt động mang đậm nét văn hóa, thu hút nhiều người quan tâm. Bên cạnh đó, những mối quan hệ huyết thống, tương trợ lẫn nhau giữa những người sản xuất ở làng nghề và các hoạt động mua bán phường hội hàng ngày tạo nên bản sắc văn hóa rất riêng của làng nghề. Cảnh quan của làng nghề với cây đa, bến nước, sân đình và chùa chiền cũng thể hiện nét văn hóa đặc trưng của các làng nghề.

Làng nghề không chỉ là nơi sản xuất hàng hóa mà còn là môi trường phát triển văn hóa, kinh tế và xã hội, đồng thời là chiếc nôi của công nghệ truyền thống. Những nét văn hóa này từ lâu không thể thiếu và làm phong phú văn hóa của Việt Nam. Nhiều làng nghề đã đi vào thơ ca, được đề cập trong các tác phẩm văn học và lịch sử.

Ngành nghề truyền thống, đặc biệt là chế biến lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, chính là di sản quý mà cha ông ta đã tạo lập để lại cho thế hệ sau. Làng nghề là môi trường bảo tồn và lưu truyền những bí quyết, tinh hoa truyền thống từ thế hệ này sang thế hệ khác, tạo lên những lớp nghề nhân tài năng của làng nghề như: làng nghề đúc đồng Đại Bái, huyện Gia Bình, Bắc Ninh; làng nghề chạm bạc xã Lê Lợi, Hồng Thái huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình...

Làng nghề còn gắn với văn hóa bởi sản phẩm làng nghề đa dạng phổ biến và gần gũi với sinh hoạt thường ngày của người dân. Mỗi sản phẩm làng nghề là một tác phẩm nghệ thuật, được làm ra bởi sự sáng tạo và khéo léo của nghệ nhân. Sản phẩm làng nghề phản ánh sinh động sinh hoạt của khu vực dân cư, những phong cảnh, những phong tục tập quán hay sự kiện xã hội nổi bật của Việt Nam

Điểm chung của nhiều làng nghề là thường nằm trên trục giao thông đường bộ hay đường thủy. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các điểm, tuyến du lịch lữ hành. Ngoài những lợi thế như cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa lý, nét văn hóa đặc sắc, các làng nghề còn có sức hút đặc biệt bởi mỗi làng nghề lại gắn với một vùng văn hóa hay một hệ thống di tích lịch sử. Bên cạnh đó, khách tham quan còn được tận mắt dõi theo quá trình sản xuất ra các sản phẩm thậm chí là tham gia thực hành vào một khâu sản xuất, chính điều này tạo nên sức hấp dẫn của du lịch làng nghề.

1.3.5. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn

Làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy quá trình CNH-HĐH nông thôn. Khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống là chiến lược hàng đầu của các làng nghề, tuy còn thấp so với nhiều ngành công nghiệp lớn nhưng có những đóng góp quan trọng đối với đời sống của hộ gia đình và lao động ở các làng nghề. Nhờ làng nghề mà nhiều hộ gia đình và lao động ở làng nghề có việc làm và thu nhập để ổn định đời sống. Các làng nghề gồm cơ sở sản xuất nhỏ chiếm đa số nhưng xuất khẩu được sản phẩm là kết quả rất ý nghĩa, cần được thúc đẩy. Bên cạnh đó làng nghề cũng góp phần thay đổi cơ cấu thu nhập ở nông thôn. Nhiều hộ gia đình làng nghề sống và có thu nhập chính từ sản xuất phi nông nghiệp. Ở nhiều làng nghề như: sản xuất giấy Phong Khê, tái chế nhựa Minh Khai, tái chế nhựa Vô Hoạn, tái chế phế liệu Trảng Minh... đã xuất hiện các cơ sở sản xuất đầu tư vốn, máy móc và thuê nhiều lao động để sản xuất với quy mô lớn. Trong đó, một số cơ sở sản xuất đã phát triển lên thành doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH hay công ty Cổ phần đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng nhà xưởng kiên cố với tổng số vốn kinh doanh lên đến hàng tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp làng nghề sử dụng công nghệ sản xuất mới, thay thế lao động thủ công ở nhiều công đoạn của quy trình sản xuất và chuyển sang sản xuất theo hướng công nghệ hiện đại.

Như vậy, làng nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, lao động, việc làm, giá trị sản xuất và thu nhập của dân cư theo hướng tăng dần tỷ trọng sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chuyển bớt lao động từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp có mức thu nhập cao hơn.

1.4. Các áp lực đến môi trường từ các hoạt động của sản xuất làng nghề

Với sự phát triển ồ ạt và thiếu quy hoạch của làng nghề tại nông thôn, cùng với sự mất cân bằng giữa nhu cầu phát triển sản xuất với khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng, sự lỏng lẻo trong quản lý nói chung và quản lý môi trường nói riêng, hoạt động của các làng nghề đã và đang gây áp lực rất lớn đến chất lượng môi trường tại các khu vực làng nghề, quan trọng phải kể đến như sau:

- Kết cấu hạ tầng nông thôn như hệ thống đường sá, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điểm tập kết chất thải... rất yếu kém hoặc không đáp ứng được nhu cầu của phát triển sản xuất, chất thải không được thu gom và xử lý, dẫn đến nhiều làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng, cảnh quan bị phá vỡ;

- Quy mô sản xuất nhỏ, việc mở rộng sản xuất lại rất khó vì mặt bằng sản xuất chật hẹp, xen kẽ với sinh hoạt; chất thải phát sinh không bố trí được mặt bằng để xử lý, lại ở trên một phạm vi hẹp, nên đã tác động trực tiếp đến môi trường sống, ảnh hưởng tới điều kiện sinh hoạt và sức khỏe của người dân;

- Quan hệ sản xuất mang nét đặc thù là quan hệ họ hàng, dòng tộc, làng xã, đặc biệt là ở các làng nghề truyền thống, nên sử dụng lao động mang tính chất gia đình, sản xuất theo kiểu “gia truyền” dẫn tới việc “giấu” công nghệ sản xuất và nguyên liệu, hóa chất sử dụng; chưa áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, gây lãng phí tài nguyên và phát sinh nhiều chất thải gây ô nhiễm môi trường;

- Công nghệ sản xuất lạc hậu, thủ công, thiết bị cũ và chắp vá, bên cạnh ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, tiêu hao nhiên liệu, điện, nước, còn kéo dài thời gian sản xuất và phát sinh ô nhiễm, đặc biệt là tiếng ồn, bụi, nhiệt,...;

- Vốn đầu tư cho sản xuất hạn hẹp, nên việc đầu tư xử lý ô nhiễm là hầu như không có. Ngay cả trong những trường hợp, nhiều cơ sở sản xuất liên doanh theo hướng hình thành các doanh nghiệp/hợp tác xã lớn, có doanh thu không nhỏ nhưng vẫn không đầu tư cho xử lý chất thải và BVMT;

- Trình độ sản xuất thấp và do lợi nhuận trước mắt nên chỉ quan tâm được đến sản xuất, còn nhận thức về tác hại của ô nhiễm đến sức khỏe và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường rất hạn chế. Hầu hết các cơ sở sản xuất coi trách nhiệm xử lý ô nhiễm không phải là trách nhiệm của mình, mà là trách nhiệm của chính quyền địa phương. Ngay bản thân chính quyền địa phương ở nhiều nơi cũng coi đây là trách nhiệm của Nhà nước phải đầu tư xử lý ô nhiễm, mà không bám sát nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải khắc

phục, xử lý ô nhiễm”. Đây chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới ô nhiễm môi trường mà sản xuất nghề gây ra;

- Nếp sống tiểu nông, tư duy sản xuất nhỏ, chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt, nên các cơ sở sản xuất tại làng nghề thường lựa chọn quy trình sản xuất thô sơ, lạc hậu, tận dụng nhiều sức lao động trình độ thấp, nhân công rẻ. Hơn nữa, để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng nguyên liệu rẻ tiền, hóa chất độc hại, làm tăng nguy cơ và mức độ ô nhiễm của làng nghề, tác động tiêu cực tới môi trường, sức khỏe cộng đồng và chính bản thân người lao động.

1.5. Ô nhiễm môi trường làng nghề

Các chất thải phát sinh tại nhiều làng nghề đã và đang gây ô nhiễm làm suy thoái môi trường nghiêm trọng tác động trực tiếp đến môi trường sống và sức khỏe người dân và ngày càng trở thành vấn đề bức xúc. Ô nhiễm môi trường làng nghề có một số đặc điểm như:

- Ô nhiễm môi trường tại làng nghề là dạng ô nhiễm phân tán trong phạm vi một khu vực (thôn, làng, xã...) do quy mô và loại hình sản xuất nhỏ, phân tán và đan xen với khu sinh hoạt của người dân.

- Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề thường khá cao tại khu vực sản xuất, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người lao động.

- Ô nhiễm môi trường tại làng nghề mang đậm nét đặc thù của hoạt động sản xuất theo ngành nghề và loại hình sản phẩm, có tác động trực tiếp đến môi trường nước, khí, đất trong khu vực.

- **Môi trường không khí:**

- Ô nhiễm bụi: tại các làng nghề gốm sứ, vật liệu xây dựng, khai thác đá, đồ gỗ mỹ nghệ và các làng nghề tái chế (đặc trưng nổi bật là phát sinh một lượng lớn bụi chứa kim loại nặng và bụi vật liệu độc hại).

- Ô nhiễm mùi: tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ.

- Ô nhiễm SO₂: tại các làng nghề mây tre đan, gốm sứ, sơn mài, gốm mỹ nghệ.

- **Môi trường nước:**

- Ô nhiễm chất hữu cơ: tại các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ là loại hình sản xuất có nhu cầu nước rất lớn và nước thải có độ ô nhiễm hữu cơ rất cao, nhất là sản xuất tinh bột sắn và dong giềng.

- Ô nhiễm chất vô cơ: tại các làng nghề dệt nhuộm, tái chế giấy tạo ra nước thải có hàm lượng cặn lớn; tại các làng nghề tái chế: trong nước thải mạ và tái chế kim loại có hàm lượng kim loại nặng độc hại vượt QCVN.

- **Môi trường đất:**

Ô nhiễm các kim loại nặng: tại các làng nghề chế tác kim loại và cơ kim khí (làng nghề đúc đồng, nhôm...), làng nghề tái chế kim loại, các hoạt động sản xuất thải ra môi trường một lượng lớn hàm lượng kim loại nặng tích tụ trong đất gây ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng.

- Chất thải rắn:

Chất thải rắn tại các làng nghề chủ yếu là các vật liệu dư thừa của quá trình sản xuất: mẫu kim loại, vụn phế liệu, thực phẩm dư thừa...

Bảng 1.1. Đặc thù chất thải từ sản xuất của một số loại hình làng nghề

TT	Loại hình sản xuất	Các dạng chất thải			
		Khí thải	Nước thải	Chất thải rắn	Các dạng ô nhiễm khác
1	Chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	Bụi, CO, SO ₂ , NO _x , CH ₄	BOD ₅ , COD, SS, Tổng N, tổng P, Coliform	Xỉ than, CTR từ nguyên liệu	Ô nhiễm nhiệt, độ ẩm
2	Dệt nhuộm, nhuộm tơ, thuộc da	Bụi, CO, SO ₂ , NO _x , hơi axit, hơi kiềm, dung môi	BOD ₅ , COD, độ màu, tổng N, hóa chất, thuốc tẩy, Cr ⁶⁺ (thuộc da)	Xỉ than, tơ sợi, vải, cặn và bao bì hóa chất	Ô nhiễm nhiệt, độ ẩm, tiếng ồn
3	Thủ công mỹ nghệ: gốm sứ, sơn mài, gỗ mỹ nghệ, chế tác đá..	Bụi, SiO ₂ , CO, SO ₂ , NO _x , HF, THC hơi xăng, hơi dung môi, oxit kim loại (Fe, Zn, Cr, Pb)	BOD ₅ , COD, SS, độ màu, dầu mỡ khoáng	Xỉ than (gốm sứ), phế phẩm, cặn hóa chất	Ô nhiễm nhiệt (gốm sứ)
4	Tái chế:				
	+ Tái chế giấy	Bụi, SO ₂ , H ₂ S, hơi kiềm	pH, BOD ₅ , COD, SS, tổng N, tổng P, độ màu	Bụi giấy, tạp chất từ giấy và phế liệu, bao bì hoá chất	Ô nhiễm nhiệt

	+ Tái chế kim loại	Bụi, CO, hơi kim loại, hơi axit, Pb, Zn, HF, HCl, THC	COD, SS, dầu mỡ, CN ⁻ , kim loại	Xi than, rỉ sắt, vụn kim loại nặng (Cr ⁶⁺ , Zn ²⁺ ,...)	Ô nhiễm nhiệt
	+ Tái chế nhựa	Bụi, CO, Cl ₂ , HCl, THC, hơi dung môi	BOD ₅ , COD, tổng N, tổng P, độ màu, dầu mỡ	Nhân mốc, tạp chất không tái sinh, chi tiết kim loại, cao su	Ô nhiễm nhiệt
5	Vật liệu xây dựng, khai thác đá	Bụi, CO, SO ₂ , NO _x , HF, THC	SS, Si, Cr	Xi than, xỉ đá, đá vụn	Nhiệt, tiếng ồn, độ rung

Nguồn: Đề tài KC 08.09, 2005

1.6. Danh mục 47 làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng

Danh mục 47 làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng cần xử lý trong giai đoạn 2012 - 2015 (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố) nằm trong Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường (Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030) và chuyển giao sang tích hợp vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ) (nội dung thứ 3 của hợp phần “vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề”), cụ thể:

Bảng 1.2. Danh mục các làng nghề gây ô nhiễm nghiêm trọng cần xử lý theo đơn vị hành chính (cũ)

TT	Tên làng nghề	Loại hình sản xuất
Tỉnh Bắc Giang (02)		
1	Làng nghề nấu rượu làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên	Chế biến lương thực, thực phẩm
2	Làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	Chăn nuôi, giết mổ
Tỉnh Bắc Ninh (06)		

3	Làng nghề sản xuất giấy Phong Khê, TP.Bắc Ninh	Tái chế phế liệu: Tái chế giấy và nhựa
4	Làng nghề đúc đồng Đại Bái, xã Đại Bái, huyện Gia Bình	Chế tác kim loại
5	Làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong	Tái chế phế liệu: Tái chế kim loại
6	Làng nghề tái chế thép Đa Hội, xã Châu Khê, TX.Từ Sơn	Tái chế phế liệu: Tái chế kim loại
7	Làng nghề bánh bún Khắc Niệm, TP Bắc Ninh	Chế biến lương thực, thực phẩm
8	Làng nghề đúc đồng Quảng Bồ, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài	Chế tác kim loại
	Bến Tre (01)	
9	Làng nghề chế biến cá khô xã Bình Thắng, huyện Bình Đại	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Bình Định (01)	
10	Làng nghề chế biến tinh bột mì xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Bình Thuận (01)	
11	Làng nghề bánh tráng chợ Lầu, Khu phố Xuân An, TT Chợ Lầu, H. Hàm Thuận Bắc	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Đà Nẵng (01)	
12	Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước, quận Ngũ Hành Sơn	Thủ công mỹ nghệ: Chế tác đá
	Hà Nam (02)	
13	Làng nghề dệt nhuộm Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên	Dệt nhuộm
14	Làng nghề dệt nhuộm truyền thống Đại Hoàng, xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân	Dệt nhuộm
	Hà Nội (08)	
15	Làng nghề điêu khắc (chạm sừng mỹ nghệ) Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín	Thủ công mỹ nghệ
16	Làng nghề giết mổ gia súc thôn Bái Đô, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên	Chăn nuôi, giết mổ
17	Làng nghề tái chế nhựa Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì	Tái chế phế liệu: Tái chế nhựa

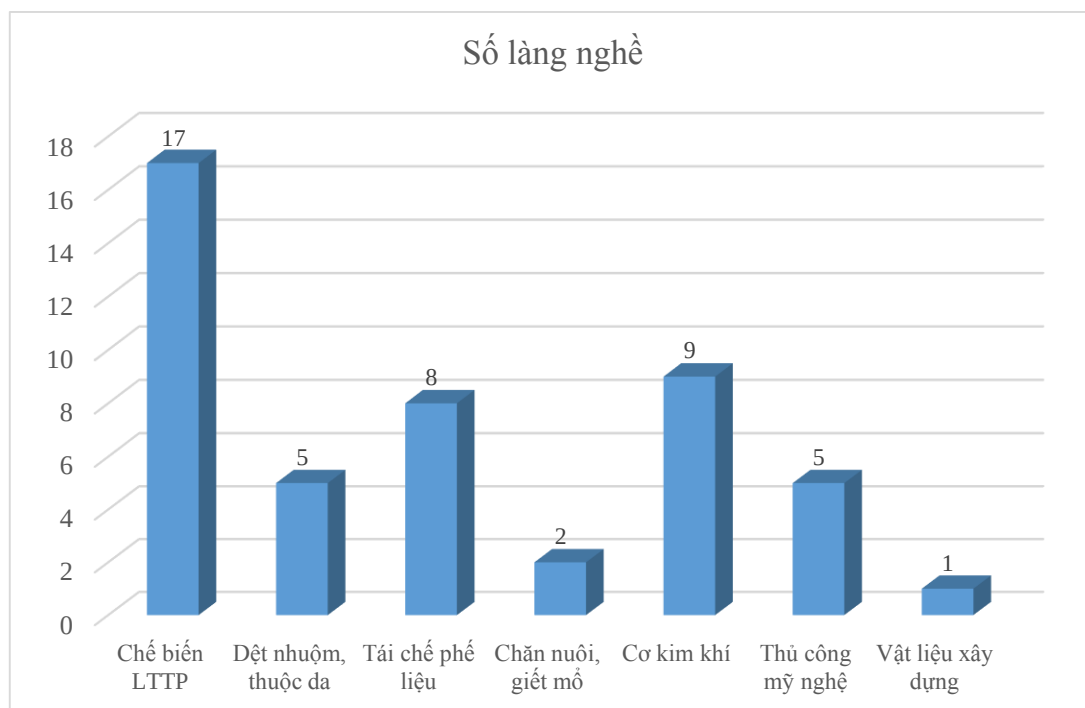
18	Làng nghề cơ kim khí Rùa Hạ, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Oai	Cơ kim khí
19	Làng nghề bún Phú Đô, xã Mễ Trì, H. Từ Liêm	Chế biến lương thực, thực phẩm
20	Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ xã Vân Hà, huyện Đông Anh	Thủ công mỹ nghệ: Sản xuất đồ gỗ, mỹ nghệ
21	Làng nghề mây tre đan Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ	Thủ công mỹ nghệ: mây tre đan
22	Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín	Thủ công mỹ nghệ: sơn mài
Hải Dương (02)		
23	Làng nghề sản xuất da giày Nghĩa Hy, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	Dệt nhuộm, thuộc da
24	Làng nghề nấu rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng	Chế biến lương thực, thực phẩm
Hải Phòng (02)		
25	Làng nghề tái chế phế liệu phường Tràng Minh, Quận Kiến An	Tái chế phế liệu
26	Làng nghề đúc cơ khí Mỹ Đồng, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên	Cơ kim khí
Hưng Yên (03)		
27	Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm kết hợp chăn nuôi Xuân Lôi, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm	Chế biến lương thực, thực phẩm và chăn nuôi
28	Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm	Tái chế phế liệu: Tái chế giấy và nhựa
29	Làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào	Tái chế phế liệu: Tái chế nhựa
Nam Định (04)		
30	Làng nghề cơ khí, đúc Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	Cơ kim khí
31	Làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực	Tái chế phế liệu: Tái chế nhựa
32	Làng nghề cơ kim khí Vân Chàng, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực	Cơ kim khí
33	Làng nghề làm miến làng Phụng, xã Nam Dương, huyện Nam Trực	Chế biến lương thực, thực phẩm

	Nghệ An (01)	
34	Làng nghề chế biến thủy hải sản Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Ninh Bình (01)	
35	Làng nghề bún, bánh thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Quảng Nam (01)	
36	Làng nghề đúc đồng Phước Kiều, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn	Chế tác kim loại
	Thái Bình (04)	
37	Làng nghề dệt nhuộm Phương La, xã Thái Phương, huyện Hưng Hà	Dệt nhuộm
38	Làng nghề chạm bạc xã Lê Lợi và xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương	Chế tác kim loại
39	Làng nghề chế biến bánh bún xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư	Chế biến lương thực, thực phẩm
40	Làng nghề chế biến thủy sản xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Thanh Hóa (01)	
41	Làng nghề ươm tơ, dệt nhiều làng Hồng Đô, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa	Dệt nhuộm
	Thừa Thiên Huế (05)	
42	Làng nghề bún Vân Cù, xã Hương Toàn, huyện Hương Trà	Chế biến lương thực, thực phẩm
43	Làng nghề bún Ô Sa, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền	Chế biến lương thực, thực phẩm
44	Làng nghề sản xuất vôi hào Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc	Vật liệu xây dựng
45	Làng nghề đúc đồng Phường Đúc, TP. Huế	Chế tác kim loại
46	Làng nghề tinh bột sắn xã Lộc An, H. Phú Lộc	Chế biến lương thực, thực phẩm
	Trà Vinh (01)	
47	Làng nghề chế biến thủy hải sản xã Đông Hải, huyện Duyên Hải	Chế biến lương thực, thực phẩm

Nguồn: Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Danh mục 47 làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng cần xử lý được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2013 được phân bố trên 19 tỉnh, thành phố trên cả nước với số lượng các làng nghề thuộc các loại hình như sau:

- Loại hình chế biến lương thực, thực phẩm: 17 làng nghề (chiếm 36,2%)
- Loại hình dệt nhuộm, thuộc da: 05 làng nghề (chiếm 10,6%)
- Loại hình sản xuất tái chế phế liệu: 08 làng nghề (chiếm 17%)
- Loại hình sản xuất chăn nuôi, giết mổ: 02 làng nghề (chiếm 4,3%)
- Loại hình sản xuất thủ công mỹ nghệ: 05 làng nghề (chiếm 10,6%)
- Loại hình sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí: 09 làng nghề (chiếm 19,2%).
- Loại hình làng nghề vật liệu xây dựng: 01 làng nghề (chiếm 2,1%).



Hình 1.1. Phân bố các làng nghề theo loại hình ngành nghề sản xuất

CHƯƠNG 2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KHẮC PHỤC Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TẠI 47 LÀNG NGHỀ

2.1. Tình hình xây dựng và thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm theo Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường

2.1.1. Về quy hoạch chuyển đổi ngành nghề

Danh mục 47 làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng được Bộ Tài nguyên và môi trường công bố là những làng nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao và hầu hết đều nằm trong danh mục các ngành nghề không được khuyến khích phát triển tại Phụ lục 4, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 và phải thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hoặc hoàn thành một trong các biện pháp: di dời vào khu, cụm công nghiệp, khu chăn nuôi tập trung bên ngoài khu dân cư; chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc chấm dứt hoạt động. Theo kết quả điều tra khảo sát và tổng hợp báo cáo của các địa phương việc thực hiện công tác quy hoạch, chuyển đổi ngành nghề hoặc chấm dứt hoạt động của tại 47 làng nghề cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Hiện trạng quy hoạch chuyển đổi ngành nghề tại các làng nghề

TT	Hiện trạng quy hoạch làng nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Làng nghề dừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề ¹	06	13
2	Làng nghề đã di dời vào khu, CCN ²	06	13
3	Làng nghề đã di dời một phần vào khu, CCN ³	06	13
4	Làng nghề đã có quy hoạch khu, CCN nhưng chưa triển khai di dời ⁴	08	17
5	Làng nghề chưa có quy hoạch ⁵	21	45

Ghi chú:

¹ Làng nghề chế biến tinh bột mỳ xã Hoài Hảo; Làng nghề làm miến làng Phương; Làng nghề tinh bột sắn xã Lộc An; Làng nghề chế biến thủy hải sản xã Thụy Hải; Làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn; Làng nghề sản xuất vôi hào thị trấn Lăng Cô.

² Làng nghề sản xuất giấy Phong Khê; Làng nghề đúc đồng Đại Bái; Làng nghề tái chế thép Đa Hội; Làng nghề dệt nhuộm truyền thống Đại Hoàng; Làng nghề tái chế nhựa Triều Khúc; Làng nghề dệt nhuộm Phương La.

³ Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước; Làng nghề mây tre đan Yên Trường; Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái; Làng nghề đúc cơ khí Mỹ Đồng; Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai; Làng nghề cơ kim khí Vân Chàng;

⁴ Làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá; Làng nghề đúc đồng Quảng Bô; Làng nghề bánh tráng chợ Lầu; Làng nghề dệt nhuộm Nha Xá; Làng nghề cơ kim khí Rùa Hạ; Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ Vân Hà; Làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi; Làng nghề ươm tơ, dệt nhiều Hồng Đô.

⁵ Làng nghề nấu rượu làng Vân; Làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm; Làng nghề bánh bún Khắc Niệm; Làng nghề chế biến cá khô Bình Thắng; Làng nghề điêu khắc Thụy Ứng; Làng nghề giết mổ gia súc Bái Đô; Làng nghề bún Phú Đô; Làng nghề da dày Nghĩa Hy; Làng nghề nấu rượu Phú Lộc; Làng nghề tái chế phế liệu Trảng Minh; Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm kết hợp chăn nuôi Xuân Lôi; Làng nghề cơ khí đúc ỳnh Yên; Làng nghề chế biến thủy hải sản Ngọc Văn; Làng nghề bún, bánh thị trấn Yên Ninh; Làng nghề đúc đồng Phước Kiều; Làng nghề chạm bạc xã Lê Lợi và xã Hồng Thái; Làng nghề chế biến bánh bún Vũ Hội; Làng nghề bún Vân Cù; Làng nghề bún ô Sa; Làng nghề đúc đồng Phường Đúc; Làng nghề chế biến thủy hải sản Đông Hải

2.1.2. Về xây dựng các dự án xử lý ô nhiễm môi trường

Trên cơ sở kết quả khảo sát tại 28 làng nghề (thuộc 13 tỉnh, thành phố) và tổng hợp báo cáo của các địa phương cho thấy công tác xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại 47 làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể:

- ***Có 10 làng nghề đã hoàn thành việc thực hiện các dự án khắc phục ô nhiễm (hoặc đề nghị bỏ làng nghề do quy mô nhỏ, các cơ sở ngừng sản xuất), chiếm 21% tổng số làng nghề bao gồm:***

Bình Định (01): Làng nghề chế biến tinh bột mì xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn (hiện nay các cơ sở sản xuất đã chấm dứt hoạt động).

Hà Nam (01): Làng nghề dệt nhuộm truyền thống Đại Hoàng, xã Hoà Hậu, 84 huyện Lý Nhân.

Nam Định (03): Làng nghề cơ khí, đúc Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực; Làng nghề làm miến làng Phượng, xã Nam Dương, huyện Nam Trực; Làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực (Năm 2018, UBND huyện đã lập tờ trình, trình UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị xóa bỏ nghề miến, bánh đa thôn Phượng và làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn khỏi danh sách nghề truyền thống do quy mô sản xuất nhỏ).

Thừa Thiên Huế (04): Làng nghề bún Vân Cù, xã Hương Toàn, huyện Hương Trà; Làng nghề bún Ô Sa, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền và Làng nghề sản xuất vôi hào Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc (hiện nay đã ngừng hoạt động sản xuất); Làng nghề tinh bột sắn xã Lộc An, huyện Phú Lộc (đã ngừng hoạt động, chuyển đổi nghề).

Thái Bình (01): Làng nghề chế biến thủy sản xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy (địa phương đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh thu hồi quyết định công nhận làng nghề và dự kiến không thực hiện dự án xử lý ô nhiễm môi trường theo Chương trình MTQG về

khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường do làng nghề có tỷ lệ sản xuất thấp do không đảm bảo về quy mô số hộ làm nghề theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn).

- Có 16 làng nghề đã xây dựng các dự án khắc phục ô nhiễm và đang triển khai thực hiện (bao gồm các dự án ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ CTMTQG) chiếm 34% tổng số làng nghề, bao gồm:

Bến Tre (01): Làng nghề chế biến cá khô xã Bình Thắng, huyện Bình Đại.

Bắc Giang (02): Làng nghề nấu rượu làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên và Làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên.

Bắc Ninh (02): Làng nghề sản xuất giấy Phong Khê, TP.Bắc Ninh và Làng nghề bánh bún Khắc Niệm, TP Bắc Ninh.

Đà Nẵng (01): Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước, quận Ngũ Hành Sơn.

Hải Dương (01): Làng nghề sản xuất da giày Nghĩa Hy, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc.

Hải Phòng (01): Làng nghề tái chế phế liệu Trảng Minh, phường Trảng Minh, quận Kiến An.

Hưng Yên (02): Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm và Làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào.

Quảng Nam (01): Làng nghề đúc đồng Phước Kiều, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Ninh Bình (01): Làng nghề bún, bánh thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh.

Nam Định (01): Làng nghề cơ kim khí Vân Chàng, thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực.

Thái Bình (01): Làng nghề dệt nhuộm Phương La, xã Thái Phương, huyện Hưng Hà.

Thanh Hóa (01): Làng nghề ươm tơ, dệt nhiều làng Hồng Đô, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa.

Trà Vinh (01): Làng nghề chế biến thủy hải sản ã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Có 09 làng nghề đã xây dựng các dự án khắc phục ô nhiễm nhưng chưa triển khai dự án khắc phục ô nhiễm do thiếu kinh phí hoặc do quy mô sản xuất nhỏ chiếm 19% tổng số làng nghề, bao gồm:

Bắc Ninh (03): Làng nghề đúc đồng Đại ái, xã Đại Bái, huyện Gia Bình; Làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong và Làng nghề tái chế thép Đa Hội, xã Châu Khê, Thị xã Từ Sơn.

Hải Phòng (01): Làng nghề đúc cơ khí Mỹ Đồng, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên.

Hà Nam (01): Làng nghề dệt nhuộm Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên.

Thái Bình (01): Làng nghề chế biến bánh bún xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư.

Hà Nội: (03): Làng nghề cơ kim khí Rùa Hạ, xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai; Làng nghề tái chế nhựa Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì và Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín.

- **Có 12 làng nghề chưa xây dựng các dự án khắc phục ô nhiễm (hoặc chưa có báo cáo cụ thể) tại các địa phương chiếm 26% tổng số làng nghề, bao gồm:**

Bắc Ninh (01): Làng nghề đúc đồng Quảng Bó, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Bình Thuận (01): Làng nghề bánh tráng chợ Lầu, Khu phố Xuân An, Thị trấn Chợ Lầu, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Hà Nội (05): Làng nghề điêu khắc (chạm sừng mỹ nghệ) Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín; Làng nghề giết mổ gia súc thôn Bái Đô, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên; Làng nghề bún Phú Đô, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm; Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ xã Vân Hà, huyện Đông Anh và Làng nghề mây tre đan Yên Trường, xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ.

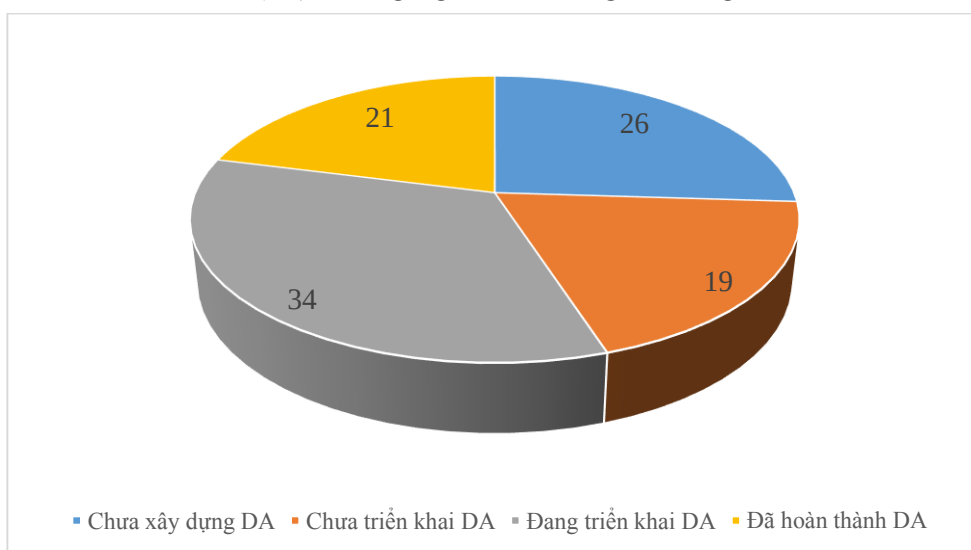
Hải Dương (01): Làng nghề nấu rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng.

Hưng Yên (01): Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm kết hợp chăn nuôi Xuân Lôi, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm.

Nghệ An (01): Làng nghề chế biến thủy hải sản Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu.

Thái Bình (01): Làng nghề chạm bạc xã Lê Lợi và xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương.

Thừa Thiên Huế (01): Làng nghề đúc đồng Phường Đúc, TP.Huế.



Hình 2.1. Hiện trạng xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường khu vực nông thôn nói chung và làng nghề nói riêng đã từng bước được quan tâm bởi chính quyền các cấp và có những chuyển biến tích cực, các làng nghề được quy hoạch trong cụm công nghiệp và được nâng cấp công nghệ sản xuất, qua đó một phần chất thải phát sinh đã được kiểm soát. Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia, Đề án bảo vệ môi trường làng nghề; Chiến lược bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về những vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 113/2015/QH13 của Quốc hội về giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, việc đẩy mạnh tiến độ thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường tại 47 làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng đã được triển khai. Hiện đã có 39/47 làng nghề (đạt 72%) xử lý triệt để hoặc xây dựng dự án xử lý ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn 08/47 làng nghề (28%) ô nhiễm nghiêm trọng tại Quyết định số 577/QĐ-TTg chưa triển khai các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường [Nguyễn Thị Thu Hà, 2023], vẫn còn nhiều làng nghề chưa di dời vào trong cụm công nghiệp. Tình hình xây dựng và thực hiện các dự án, công trình xử lý ô nhiễm môi trường được thực hiện đối với các nhóm làng nghề cụ thể như sau:

2.1.1. Nhóm các làng nghề sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí

Bảng 2.2. Một số hoạt động xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí

TT	Tên làng nghề	Hoạt động	Năm thực hiện	Đơn vị đầu tư
1	Đúc đồng Đại Bái	Xây dựng CCN làng nghề tập trung với diện tích 6,2 ha. Trong cụm đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT (hiện tại không còn hoạt động); có 02 cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải. Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý ô nhiễm được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 với tổng kinh phí 52.115.157.000 đồng từ nguồn sự nghiệp tài nguyên môi trường được giao hàng năm và các nguồn vốn khác do UBND huyện Gia Bình làm chủ đầu tư đến nay dự án vẫn chưa được triển khai do chưa bố trí được nguồn kinh phí.	2002	JICA - Nhật Bản tài trợ

2	Cơ kim khí Rùa Hạ	Di dời 35 hộ gia đình sản xuất ra CCN Thanh Thủy, xây dựng Trạm XLNT CCN Thanh Thủy với công suất 4.000 m ³ /ngày đêm (trong đó đầu nổi nước thải của làng nghề cơ kim khí).	2003	Sở TN&MT và xã hội hoá
3	Đúc cơ khí Mỹ Đồng	Di dời được 22 cơ sở vào khu tập trung quy mô 5,4 ha. Năm 2013, đã thực hiện khảo sát địa hình nhưng đến nay vẫn chưa có kinh phí để tiếp tục triển khai dự án “Khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề đúc đồng xã Mỹ Đồng huyện Thủy Nguyên”.	2013	UBND thành phố Hải Phòng
4	Cơ khí, đúc Bình Yên	Đã xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung với công suất 500 m³/ngày đêm với quy trình công nghệ xử lý hóa lý kết hợp vi sinh nhiều bậc theo chế độ vận hành tự động; hồ điều hòa nước thải diện tích hơn 500 m²; đường nội bộ; cây xanh. Các hạng mục công trình của dự án gồm: xây dựng hệ thống đường cống thoát nước thải chung của làng nghề gồm cống hộp B400 – B1000 (tùy từng khu vực) có tổng chiều dài là 6.568,7 m, trên các tuyến cống có thiết kế 71 hố ga lắng cặn. Xử lý chất thải tồn dư và nạo vét kênh mương bị ô nhiễm. Xây dựng nhà kho diện tích 504 m² để tập kết tro xỉ nguy hại sau đó vận chuyển đi xử lý. Năm 2011, Cục Kiểm soát ô nhiễm - Tổng cục Môi trường phối hợp với Công ty Cổ phần thân thiện môi trường Bách Khoa (BKEST) xây dựng mô hình xử lý khí thải của lò đúc nhôm làng nghề Bình Yên. Hiện nay, đa số hộ sản xuất đã từng bước nâng cao ống khói, lắp đặt các công nghệ xử lý để hạn chế khí thải phát thải ra môi trường không khí.	2013	Sở TN&MT, Tổng cục Môi trường, Cơ quan hợp tác Thủy Sản

5	Cơ kim khí Vân Chàng	Di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi làng nghề: 80 hộ di dời vào CCN Vân Chàng và 32 cơ sở di dời vào CCN Đồng Côi. Dự án quản lý chất thải nguy hại tỉnh Nam Định đã hỗ trợ làng nghề thu gom xử lý chất thải, xây dựng các hạng mục: Đường cống thu gom nước thải làng nghề gần 1.000 m, xây dựng hệ thống xử lý nước thải với bể điều hòa 4 ngăn, 2 hồ sinh học, sân phơi bùn. Nước thải sản xuất (phát sinh từ các công đoạn làm mát, cô đúc, nhúng rửa) sẽ chảy ra cống thu gom thoát nước thải của làng nghề, tiếp theo chảy sang hồ điều hòa phía cuối làng nghề, xử lý sơ bộ đảm bảo chỉ tiêu loại B trước khi vào hệ thống kênh thủy nông Nam Ninh. Năm 2018, UBND thị trấn Nam Giang triển khai dự án nạo vét, kiên cố hóa hồ sinh học điều tiết nước thải tại làng nghề Vân Chàng với tổng kinh phí là 2 tỷ đồng. Tuy nhiên đến nay các hạng mục công trình đã xuống cấp, không được duy tu, bảo dưỡng; do đó nước thải trong cống thu gom bị ứ đọng, không chảy về cụm xử lý nước thải của làng nghề gây ra hiện trạng nước mặt vẫn đang có dấu hiệu ô nhiễm về kim loại nặng. Các cơ sở trong làng nghề đã áp dụng biện pháp thông gió tự nhiên để thông thoáng nhà xưởng và lắp đặt ống khói để dẫn khí thải, bụi bay lên cao, chưa có hệ thống xử lý bụi, khí thải.	2008	Cơ quan hợp tác Thủy Sỹ, UBND huyện Nam Trực
6	Chạm bạc xã Lê Lợi	Chưa bố trí được kinh phí lập dự án xử lý ô nhiễm môi trường		
7	Đúc đồng Phường Đúc	Chưa bố trí được kinh phí lập dự án xử lý ô nhiễm môi trường		

2.1.2. Nhóm các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm

(1) Làng nghề nấu rượu làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang:

Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề nấu rượu truyền thống xã Vân Hà, huyện Việt Yên đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 8/5/2012 với tổng mức đầu tư 106,4 tỷ đồng, phê duyệt lại tại Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 với 50% vốn ngân sách Trung ương và 50% vốn ngân sách địa phương đối ứng), thời gian thực hiện dự án từ năm 2013 đến năm 2016 với các hạng mục xây dựng Trạm XLNTTT có công suất 1.500 m³/ngày đêm và hệ thống thu gom nước thải từ 100% hộ gia đình về hệ thống XLNTTT.

Dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục, giảm quy mô và tổng mức đầu tư xuống còn 65,4 tỷ đồng và cho phép kéo dài thời gian thực hiện đến hết năm 2020 theo các Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 7/10/2014; Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 và Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 18/01/2017. Do quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án kéo dài (kèm theo các lần điều chỉnh quy mô và dự toán), đến nay, Dự án vẫn đang trong giai đoạn thi công các hạng mục công trình chính của hệ thống XLNT tập trung và mạng lưới thu gom, đầu nối từ các hộ gia đình.

Dự án “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các huyện Việt Yên, Yên Dũng và Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang” do tổ chức GVC-Italia tài trợ, nội dung thực hiện bao gồm: 02 hệ thống xử lý và làm sạch nước dùng trong sinh hoạt và 02 hệ thống xử lý chất thải hữu cơ tại xã Vân Hà, tổng kinh phí 12,35 tỷ đồng. Dự án đã nhân rộng 200 hầm khí biogas (trong đó 10 hầm thực hiện theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 29/8/2008; 120 hầm do tổ chức GVC và các nguồn khác hỗ trợ).

UBND huyện Việt Yên đã bố trí kinh phí 2 tỷ đồng để nạo vét, vệ sinh bùn, rác thải tồn đọng tại khu vực ao, hồ của thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, cải tạo và xây dựng cảnh quan. Năm 2018, Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang đã xác nhận hồ sơ hoàn thành thực hiện các biện pháp xử lý ONMT nghiêm trọng (tại Quyết định số 304/QĐ-TNMT ngày 11/06/2018).

(2) Làng nghề bánh bún Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh:

Năm 2009, UBND phường Khắc Niệm đã phối hợp với Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tại khu vực cuối khu Tiền Trong và đầu khu Tiền Ngoài nhằm xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất của làng nghề với quy mô 400 m³/ngày. Đây là dự án thí điểm đầu tiên của cả nước sử dụng công nghệ XLNT phi tập trung DEWATS với tổng kinh phí xây dựng công trình gần 7 tỷ đồng. Tuy nhiên sau khi đưa vào vận hành, bể xử lý đã bộc lộ những bất cập do hệ thống đường dẫn, công suất hoạt động không phù hợp, dẫn tới hiệu quả chưa cao, do vậy tình trạng ô nhiễm vẫn tiếp tục diễn ra. Hiện nay địa phương đang tiếp tục đề nghị các cơ quan chức năng đầu tư cải

tạo, vận hành lại công trình xử lý nước thải, giao UBND phường quản lý và tiến hành thu phí từ các hộ sản xuất để tiếp tục duy trì, đảm bảo công suất hệ thống XLNT.

Ngày 29 tháng 10 năm 2014 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1139/QĐ-88 UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề làm bún Khắc Niệm với tổng kinh phí 57.814.266.000 đồng và giao cho UBND thành phố Bắc Ninh làm chủ đầu tư. Tuy nhiên đến nay, dự án vẫn chưa được bố trí kinh phí để thực hiện.

(3) Làng nghề chế biến cá khô xã Bình Thắng, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre:

Dự án xây dựng hệ thống XLNT làng nghề Bình Thắng, huyện Bình Đại thuộc Chương trình MTQT khắc phục ô nhiễm và CTMT giai đoạn 2012 - 2015, hỗ trợ từ nguồn vốn Trung ương và địa phương với tổng kinh phí dự toán là 64.821.698.520 đồng (tại Quyết định số 1180/QĐ-UBND tỉnh ngày 06/07/2013 và Quyết định số 168/QĐ-UBND tỉnh ngày 23/01/2014). Các kết quả đạt được:

- + Xây dựng hoàn thành Trạm XLNT công suất 300 m³/ngày đêm, yêu cầu nước thải sau xử lý đạt QCVN 11:2008/BTNMT cột A (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản); xây dựng 2.107,8 m đường ống D200 mm - D300 mm bằng ống H PE để thu gom nước thải; hệ thống thoát nước mưa 400 mm dài 3.927,5 bằng BTCT dọc tuyến lộ trung tâm làng nghề; xây dựng nhà điều hành diện tích 196 m².

- + Đang triển khai hạng mục công trình rạch bà Khoai bằng kênh BTCT đáy = 2m, Bm = 8m, L = 885m.

- + Số lượng hộ dân sản xuất kinh doanh tham gia đấu nối nước thải sinh hoạt về Trạm xử lý khoảng 100/1.899 hộ (việc đấu nối là tự phát chưa thực hiện đăng ký, quản lý của chính quyền địa phương). Hiện nay UBND huyện Bình Đại đang vận động hộ dân đấu nối hệ thống XLNT và chi trả phí môi trường trong XLNT.

- + Kế hoạch vận hành Trạm XLNT và thu phí đấu nối thoát nước thải: Đồng ý chủ trương giao Công ty Cổ phần sản xuất và Thương Mại N.I.D quản lý vận hành Trạm XLNT (tại Công văn số 1239/UBND-TCĐT ngày 26/3/2018).

(4) Làng nghề chế biến tinh bột mì xã Hoài Hảo, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:

Ngày 11/7/2017 UBND tỉnh Bình Định ban hành Văn bản số 3557/UBND-KT cho chủ trương ngừng hoạt động sản xuất bột mì trong khu dân cư trên địa bàn huyện Hoài Nhơn và hỗ trợ đối với các cơ sở đã ngừng sản xuất với mức 5 triệu đồng/cơ sở. UBND huyện Hoài Nhơn đã tạm ứng ngân sách chi hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở để chuyển đổi ngành nghề (tổng số tiền đã hỗ trợ cho các cơ sở là: 970.000.000 đồng) (tại Quyết định số 8665/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 và Quyết định số 5200/QĐ-UBND ngày 17/7/2018). Hiện nay tất cả các cơ sở sản xuất bột mì trên địa bàn xã Hoài Hảo đã chấm dứt hoạt động.

(5) *Làng nghề bánh tráng chợ Lầu, Khu phố Xuân An, TT Chợ Lầu, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận:*

Hiện nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường.

(6) *Làng nghề bún Phú Đô, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, TP.Hà Nội:*

UBND quận Nam Từ Liêm đã lập đề án BVMT đối với làng nghề, trên cơ sở Đề án năm 2016 quận đề xuất với Sở, ngành liên quan được đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải sản xuất cho làng nghề bún Phú Đô, tuy nhiên đề xuất của quận không được chấp thuận với lý do UBND thành phố đã có quy hoạch xây dựng Trạm XLNT Phú Đô với công suất 84.000 m³/ngày đêm có diện tích 6 ha, nằm tại cánh đồng Phú Đô, phường Phú Đô. Hiện nay, UBND quận tiếp tục nghiên cứu, áp dụng công nghệ xử lý nước thải phù hợp tại từng hộ sản xuất bún; đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong làng nghề, đầu tư xây dựng bể lắng nhiều ngăn nhằm lắng cặn, giảm thiểu ô nhiễm đối với nước thải. Đồng thời tiếp tục kiến nghị UBND thành phố sớm đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động Trạm XLNT Phú Đô.

(7) *Làng nghề nấu rượu Phú Lộc, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương:*

Năm 2014, theo chương trình hợp tác giữa tỉnh Hải Dương và tỉnh Seine - Saint - Denis và Nghiệp đoàn xử lý nước thải vùng Paris (Cộng hòa Pháp) đã lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung cho làng nghề. Do kinh phí đầu tư của dự án lớn (khoảng 74 tỷ đồng) cũng như việc cần có sự thống nhất trong cơ chế quản lý nhất là đối với hoạt động duy trì quản lý vận hành hệ thống nên đến nay dự án vẫn chưa được triển khai.

Đến nay, làng nghề chưa bố trí được kinh phí lập dự án xử lý ô nhiễm môi trường theo Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và CTMT. Làng nghề chưa có hệ thống XLNTT, chưa có hệ thống thu gom nước thải hoàn thiện. Nước thải và nước mưa chung một đường thoát, hướng thoát chủ yếu theo hệ thống kênh mương, ao hồ, từ chỗ cao chảy xuống chỗ thấp. Hệ thống rãnh thoát nước không có kích thước cố định do người dân tự làm theo nhu cầu thực tế.

(8) *Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm kết hợp chăn nuôi Xuân Lôi, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên:*

Hiện nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có nguồn kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường.

(9) *Làng nghề làm miến làng Phượng, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, Nam Định:*

UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 phê duyệt dự án xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề miến và bánh đa làng Phượng xã Nam Dương. Tuy nhiên, dự án chưa triển khai thực

hiện do hiện nay nghề làm miến thủ công nay đã dần mai một dần, chỉ còn 04 hộ duy trì sản xuất quy mô nhỏ. Năm 2018, UBND huyện đã lập tờ trình UBND tỉnh, Sở NN&PTNT đề nghị xóa bỏ nghề truyền thống làm miến làng Phụng.

(10) Làng nghề chế biến thủy hải sản Ngọc Văn, xã Diễn Ngọc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An:

Năm 2007, UBND huyện Diên Châu đã phê duyệt hạ tầng làng nghề chế biến hải sản Ngọc Văn trong đó có hạng mục hồ sinh học xử lý nước thải với diện tích 546 m². Tuy nhiên, khi đưa hệ thống xử lý nước thải này vào sử dụng, do bể xây dựng quá sâu, không có hệ thống chống thấm, không có nắp đậy nên nước thải sau khi lọc không thoát ra ngoài dẫn đến nước thải ngấm xuống đáy bể vào lòng đất, gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của người dân. Hiện nay, hồ XLNT làng nghề đã được xử lý và thực hiện lấp bê tông không tiếp nhận nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề.

Năm 2014, dự án xử lý chất thải làng nghề chế biến thủy hải sản Ngọc Văn đã được UBND tỉnh Nghệ An cho phép lập dự án đầu tư tại Quyết định số 3322/QĐ.UBND-CNTM ngày 17/7/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư. Tuy nhiên cho đến nay dự án không triển khai thực hiện do vướng mắc trong Luật đầu tư công.

(11) Làng nghề bún, bánh thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình:

Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề bún, bánh Yên Ninh, công suất 500 m³/ngày đêm được phê duyệt đầu tư từ năm 2013 (theo Quyết định số 897/QĐ-UN ngày 12 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Ninh Bình) với tổng mức đầu tư 25.262 triệu đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường. Hiện nay, dự án mới hoàn thành khối lượng thi công đạt 59,8% so với khối lượng trong hợp đồng của chủ đầu tư ký kết với nhà thầu xây dựng. Một số hạng mục đã được hoàn thành bao gồm: trạm xử lý nước thải, nhà điều hành, hồ điều hòa, đường giao thông nội bộ. Hiện tại, hệ thống thu gom đang thi công dở dang, máy móc thiết bị xử lý, hệ thống điện, hệ thống dẫn xả sau xử lý chưa thực hiện.

Dự án cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xử lý môi trường làng nghề thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Ninh Bình với nguồn vốn đầu tư từ Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường (50%) là 20.428 triệu đồng, ngân sách tỉnh (30%) là 12.257 triệu đồng, từ ngân sách huyện và huy động nguồn vốn hợp pháp khác (20%) là 8.171 triệu đồng. Hiện nay, dự án mới hoàn thành khối lượng thi công đạt 42,6% so với khối lượng trong hợp đồng của chủ đầu tư ký kết với nhà thầu xây dựng.

Bên cạnh đó, Trung tâm Môi trường Hội Nông dân Việt Nam đã hỗ trợ xây dựng trên 200m kênh tiêu thoát nước thải cho xóm Thượng Tây và Thượng Đông với kinh phí trên 163 triệu đồng. Đến nay, hệ thống ống cống thoát nước được xây dựng ở 100%

các trục đường trong làng, đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải của làng nghề đến nơi xử lý.

(12) Làng nghề chế biến bánh bún xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình:

UBND tỉnh, UBND huyện Vũ Thư đã lập dự án cải thiện ô nhiễm và phục hồi môi trường làng nghề chế biến nông sản xã Vũ Hội, đã được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án tại Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2012 với tổng kinh phí 14,318 tỷ đồng trong đó nguồn vốn trung ương hỗ trợ là 7,159 tỷ đồng, nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác là 7,159 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay Dự án chưa được phân bổ kinh phí thực hiện.

(13) Làng nghề chế biến thủy sản xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình:

Hiện nay, làng nghề chỉ có 32 hộ tham gia sản xuất chiếm 2,86% tổng số hộ trong làng nghề, không đảm bảo về quy mô số hộ làm nghề theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn là 20% nên địa phương đã có văn bản đề nghị UBND tỉnh thu hồi quyết định công nhận làng nghề và dự kiến không thực hiện dự án xử lý ô nhiễm môi trường theo Chương trình MTQG về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

(14) Làng nghề bún Vân Cù, xã Hương Toàn, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế:

Dự án xây dựng hệ thống XLNT làng bún Vân Cù với tổng mức đầu tư 5.628 triệu đồng trong đó Ngân sách trung ương 2.809 triệu đồng được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật tại Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2010, thời gian thực hiện dự án từ năm 2010 đến năm 2013. Ngân sách trung ương bố trí 2.809 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 164.374.000 đồng và Nguồn kinh phí khác (nhân dân đóng góp): 2.519.100.000 đồng. Kết quả thực hiện dự án:

+ Các hạng mục đã hoàn thành: Xây dựng mới các tuyến mương 300 có nắp dầy bê tông cốt thép với tổng chiều dài khoảng 3.100 m.

+ Các hạng mục đang tiếp tục triển khai thực hiện: hầm Biogas, hồ sinh học và tuyến mương 200 dẫn từ nhà đầu nối vào hệ thống mương chung tại các hộ gia đình.

Cơ bản dự án đã giải quyết được các vấn đề môi trường của làng nghề.

(15) Làng nghề bún Ô Sa, xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế:

Dự án hệ thống xử lý nước thải làng bún Ô Sa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 và Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17/10/2012. Dự án được chia thành 05 gói thầu với tổng mức đầu tư 4.792 triệu đồng, trong đó: Tổng kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường năm 2012: 2.230 triệu đồng. Tổng kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương là 2.562 triệu đồng.

Dự án đã xây mới 16 hầm Biogas, bản đáy bê tông M200, thành xây gạch, trên có đáy đan; 16 bể xử lý nước thải tại mỗi hộ gia đình (gồm: 01 bể công suất 1,0 m³/ngày, 05 bể công suất 1,5 m³/ngày, 02 bể công suất 2,0 m³/ngày, 4 bể công suất 2,5 m³/ngày, 01 bể công suất 5,0 m³/ngày, 03 bể công suất 8,0 m³/ngày), bằng bê tông M150 có đáy đan, hai ngăn. Xây mới 320m mương nối từ bể xử lý nước thải tại hộ gia đình ra mương thoát nước chung, bằng bê tông M150 có đáy đan. Các tuyến mương thoát nước chung tại các xóm 2, 3 và 4, 6, 7, 10, với tổng chiều dài 1.496,5m. 10 hồ xử lý nước thải chung cuối 05 xóm (mỗi xóm 02 hồ) bằng bê tông M150 (8 hồ có dung tích mỗi hồ 294 m³ và 02 hồ có dung tích 793,5 m³). Đến nay, dự án đã hoàn thành các hạng mục công trình và chuyển giao cho địa phương quản lý.

(16) Làng nghề tinh bột sắn xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế:

Theo Báo cáo số 2458/BC-UBND ngày 16/7/2019 của UBND huyện Phú Lộc về báo cáo kết quả công tác khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng trên địa bàn huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện nay, làng nghề tinh bột sắn xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế đã ngừng hoạt động, chuyển đổi nghề hoặc chế biến tinh bột với quy mô nhỏ lẻ.

(17) Làng nghề chế biến thủy hải sản xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh:

Theo Quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020: Xây dựng đường dẫn vào làng nghề giai đoạn 1, 2 với tổng kinh phí 11,6 tỷ đồng giải quyết một phần tình trạng ô nhiễm môi trường và lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân trong vùng.

Năm 2016, dự án SME (Dự án Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Trà Vinh) được Bộ Các vấn đề Toàn cầu Canada (Global Affairs Canada) tài trợ xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nhựa và hệ thống thoát nước từ UBND xã Đông Hải đến cầu Định An với kinh phí 1,4 tỷ đồng.

2.1.3. Nhóm các làng nghề tái chế phế liệu

(1) Làng nghề sản xuất giấy Phong Khê, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh:

Làng nghề giấy Phong Khê được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 7/6/2012 và điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 5/5/2017 với công suất xử lý là 10.000 m³/ngày đêm, tổng mức đầu tư của dự án là 390,179 tỷ đồng (trong đó vốn Trung ương 195,089 tỷ đồng; vốn từ ngân sách địa phương 195,089 tỷ đồng) chia làm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 công suất 5.000 m³/ngày đêm, tổng mức đầu tư 219.488.759.000 đồng; giai đoạn 2 công suất 5.000 m³/ngày đêm, tổng mức đầu tư 170.691.008.000 đồng. Đến nay,

dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và đang bàn giao cho Công ty Cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh vận hành thử nghiệm.

(2) Làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh:

Dự án CCN làng nghề Mẫn Xá, xã Văn Môn được phê duyệt theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 03/8/2018 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Diện tích khoảng 26,54 ha; chủ đầu tư Công ty CP tập đoàn Hanaka; tổng mức đầu tư 490 tỷ đồng; quy mô lao động 3.200 người; mục tiêu để di dời các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ trong các làng nghề vào khu sản xuất tập trung. Hiện nay dự án đã triển khai công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng được 90%. Dự kiến sẽ hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động năm 2020.

UBND tỉnh Bắc Ninh đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá tại Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 với tổng kinh phí 44.346.561.000 đồng với diện tích khoảng 0,5 ha, tiếp giáp với Dự án CCN làng nghề Mẫn Xá; mục tiêu là xử lý, chôn lấp toàn bộ chất thải tồn đọng có sẵn của CCN làng nghề Mẫn Xá, Văn Môn (Khối lượng khoảng 200.000 m³); công nghệ xử lý: Chôn lấp tại chỗ, hợp vệ sinh đảm bảo Quy chuẩn môi trường. Đến nay, dự án chưa bố trí được nguồn kinh phí thực hiện.

(3) Làng nghề tái chế thép Đa Hội, xã Châu Khê, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh:

Hiện nay làng nghề đã lập dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề, được phê duyệt năm 2014. Tuy nhiên cho đến nay chưa được bố trí kinh phí để thực hiện.

(4) Làng nghề tái chế nhựa Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội:

UBND TP Hà Nội đã công nhận Cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều là làng nghề dệt (theo Quyết định số 6864/QĐ-UBND ngày 30/12/2009). Đơn vị khai thác là Công ty CP Kinh doanh XNK Vạn Thuận. Đến ngày 27/12/2017, UBND TP Hà Nội đã ra Quyết định số 8923/QĐ-UBND về việc thành lập CCN làng nghề Tân Triều, huyện Thanh Trì trên cơ sở Cụm sản xuất làng nghề tập trung xã Tân Triều cũ.

Hệ thống xử lý nước thải đã được xây dựng và hoàn thành từ năm 2007 trong Cụm công nghiệp làng nghề Tân Triều nhưng chưa vận hành để xử lý nước thải. Đến nay, hệ thống xử lý nước thải đã xuống cấp, công nghệ xử lý lạc hậu không còn khả năng vận hành, do đó cần thiết phải nâng cấp, sửa chữa. Trước thực trạng chung về ô nhiễm nguồn nước thải tại các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội, trong đó có CCN làng nghề Tân Triều, ngày 30 tháng 01 năm 2018, UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Thông báo số 79/TB-UBND chấp thuận chủ trương giao Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền lập hồ sơ đề xuất dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, XLNT và quản lý vận hành các trạm XLNT tại tất cả các CCN trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú

Điền đang phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án, trong đó có Trạm XLNT CCN làng nghề Tân Triều.

(5) Làng nghề tái chế phế liệu phường Tràng Minh, Quận Kiến An, TP.Hải Phòng:

Dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề Tràng Minh được UBND TP Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 16/6/2014, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 và Ủy ban nhân dân quận Kiến An phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 với tổng mức đầu tư 120,172 tỷ đồng, nguồn vốn: Ngân sách Trung ương từ Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường là 43,2 tỷ đồng, ngân sách thành phố và quận là 76,972 tỷ đồng. Đến nay, Dự án cơ bản hoàn thành và ngân sách nhà nước đã bố trí cho dự án 92,335 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 43,0 tỷ đồng, ngân sách thành phố 30,0 tỷ đồng, ngân sách quận 18,335 tỷ đồng).

Tính đến ngày 31/10/2018, dự án đã thực hiện được một số nội dung:

- + Xây dựng đường vào trạm xử lý với bề rộng mặt đường 5m kết cấu mặt bê tông Xi măng.

- + Xây dựng trạm xử lý công suất 1.500 m³/ngày đêm (bao gồm trạm xử lý, hồ điều hoà, nhà điều hành...) và lắp đặt hệ thống điện có trạm biến áp 100KVA.

- + Xây dựng hoàn thành 87 bể lắng sơ bộ cho các hộ dân.

Các hạng mục phát sinh đang thực hiện: Xây dựng bổ sung hệ thống thu gom mương hộp trên tuyến trước cửa UBND phường; xây dựng hệ thống cống 600 đoạn trước cửa chùa ra đến tuyến cống hộp; xây dựng lắp đặt trạm quan trắc tự động; nạo vét hệ thống cống hộp cũ nằm trong đoạn được đầu tư xây mới. Tiến hành cân chỉnh hệ thống xử lý, chuẩn bị cho công tác chạy thử bàn giao công nghệ;

UBND thành phố đã có Công văn số 5284/VP-MT ngày 13/11/2018 về việc điều chỉnh Dự án, trong đó giao Sở Xây dựng tiếp nhận, quản lý công trình nhà máy xử lý nước thải Tràng Minh, tổ chức lựa chọn đơn vị, quản lý, khai thác, xác định chi phí thoát nước làm cơ sở định giá dịch vụ thoát nước.

UBND quận đã giao Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng phối hợp với các đơn vị tiến hành nghiên cứu vị trí khu đất cạnh nhà máy có diện tích khoảng 20.000 m² phù hợp với quy hoạch chung để tạo quỹ đất cho các hộ sản xuất, kinh doanh tại phường Tràng Minh thuê làm mặt bằng tập kết phế liệu; dự kiến chia 40 lô, diện tích mỗi lô khoảng 400 m², trong đó bố trí đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(6) Làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, TT. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, Hưng Yên:

Hiện nay đã quy hoạch và thành lập CCN Minh Khai thị trấn Như Quỳnh theo QĐ số 3282/QĐ-UBND ngày 27/12/2002 để tiếp nhận các hộ sản xuất, tái chế nhựa trong khu dân cư vào CCN với các giai đoạn:

Giai đoạn 1: đã được phê duyệt quy hoạch với diện tích 11,27 ha, năm 2008 sau khi hoàn thành hạ tầng đã di dời được 143 cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khu sản xuất tập trung. Đã hoàn thành xây dựng và vận hành thử nghiệm hệ thống thu gom, XLNT tập trung với công suất 500 m³/ngày đêm. Tuy nhiên, tại giai đoạn 1 chưa bố trí được đường ống thu gom nước thải từ các hộ gia đình về khu XLNT tập trung, do vậy nước thải vẫn thải ra ngoài môi trường với lưu lượng lớn.

Giai đoạn 2: được phê duyệt quy hoạch với diện tích 17,25 ha, được Công ty CP 319 - Bộ QP làm chủ đầu tư đã cơ bản hoàn thành xây dựng hạ tầng và hệ thống XLNT tập trung với công suất 500 m³/ngày đêm, hiện nay có 230 hộ gia đình đăng ký vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có 100 cơ sở sản xuất xây dựng nhà xưởng đi vào hoạt động. Như vậy tính đến hết năm 2018, đã di dời tổng số 243 hộ trong làng ra CNN giai đoạn 1, 2.

Giai đoạn 3: UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch, lựa chọn đơn vị chủ đầu tư và triển khai dự án trong thời gian tới với diện tích 52 ha để tiếp tục mở rộng CCN làng nghề Minh Khai.

Việc di dời cơ sở sản xuất vào CCN giai đoạn 1, 2 chưa làm giảm ô nhiễm môi trường (mới giảm 70% áp lực về môi trường) do số hộ sản xuất đang có xu hướng gia tăng (các hộ mới chỉ tạm dừng sản xuất tái chế, chưa thực hiện tháo dỡ máy móc, thiết bị hay chuyển đổi lĩnh vực sản xuất kinh doanh).

(7) Làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên:

Để khắc phục, xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi, nhất là xử lý CTR sinh hoạt và CTR sản xuất, phế thải phát sinh từ các hoạt động thu mua, tái chế phế liệu nhựa của làng nghề, Sở TN&MT đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp bãi rác Dị Sử huyện Mỹ Hào. Đến nay đang vận hành 02 lò đốt rác thải có công suất 100 tấn/ngày.

UBND huyện Mỹ Hào và UBND xã Dị Sử cũng đã có chủ trương quy hoạch 5 ha đất để chuyển làng nghề Phan Bôi khỏi khu dân cư sang CCN. Song do kinh phí chưa có nên đến nay vẫn chưa thực hiện được.

(8) Làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn, xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định:

Cho đến nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường. Để khắc phục tình trạng ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề, UBND xã và các cơ sở sản xuất đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể 3 ngăn, các mương, rãnh thoát nước chính của khu dân cư, thôn xóm đã được xây dựng kiên cố bằng gạch, bê tông đảm bảo tiêu thoát nước không bị ngập úng, ứ đọng.

Các CTR sinh hoạt phát sinh được đội thu gom rác thải của xã vận chuyển đến bãi rác thải tập trung của xã Nam Mỹ để xử lý đúng quy định.

- Về CTR sản xuất:

+ Đối với vỏ bao bì, nhãn mác: Hộ thu gom, đóng bao bì và hợp đồng với đội thu gom rác thải vận chuyển, xử lý tại bãi rác thải tập trung của xã.

+ Đối với vụn nhựa, cám nhựa: được hộ gom lại và bán tái chế lại.

+ Đối với các vỏ bao bì đựng nguyên liệu nhựa phế liệu: được hộ thu gom và giặt sạch để sử dụng lại đựng sản phẩm.

Theo quy định hoạt động sản xuất tái chế nhựa đưa vào danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư trong khu dân cư. Năm 2018, UBND huyện đã lập tờ trình UBND tỉnh, Sở NN&PTNT đề nghị đưa làng nghề Vô Hoạn ra ngoài quy hoạch làng nghề và yêu cầu các hộ tái chế nhựa phải chuyển đổi sang ngành nghề khác thời gian thực hiện vào năm 2020.

2.1.4. Nhóm các làng nghề dệt nhuộm, thuộc đa

(1) Làng nghề dệt nhuộm Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam:

UBND tỉnh Hà Nam đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và Trạm XLNT làng nghề dệt nhuộm thôn Nha Xá, xã Mộc Nam với công suất 200 m³/ngày đêm (tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 05/7/2013). Diện tích sử dụng đất là 14.417 m² (trong đó: Đất xây dựng làng nghề và Trạm XLNT 14.228 m²; đất mượn làm đường vào 189 m²). Mức đầu tư dự án là 45,94 tỷ đồng. Nguồn vốn: Chương trình mục tiêu Quốc gia khắc phục ô nhiễm môi trường (chiếm 70%), vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, vốn đối ứng giải phóng mặt bằng của xã Mộc Nam và đóng góp của các hộ sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, đến nay chưa có kế hoạch phân bổ kinh phí để thực hiện.

(2) Làng nghề dệt nhuộm truyền thống Đại Hoàng, xã Hoà Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam:

Dự án đầu tư y dựng cơ sở hạ tầng và Trạm XLNT làng nghề dệt nhuộm Hòa Hậu và Nha Xá do Sở TN&MT làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 102.124.350.000 đồng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 05/7/2013, trong đó:

+ Nguồn vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường: 71.487,1 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 22.867,1 triệu đồng.

+ Vốn đối ứng giải phóng mặt bằng của các xã tham gia dự án và đóng góp của hộ sản xuất, kinh doanh: 7.770,1 triệu đồng.

UBND xã Hòa Hậu phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, yêu cầu các hộ có trách nhiệm cải tạo, nâng cấp công trình thu gom, XLNT, các trường hợp có nhu cầu tiếp tục hoạt động tẩy nhuộm thì phải đăng ký ra khu sản xuất tập trung (Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và Trạm XLNT làng nghề dệt nhuộm Hòa Hậu với công suất 200 m³/ngày đêm). Do đó, các hộ gia đình hoạt động tẩy nhuộm trong khu dân cư trước đây đã chấm dứt hoạt động tẩy nhuộm và di dời đến khu sản xuất tẩy nhuộm tập trung của xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân sản xuất để đảm bảo nước thải phát sinh của các hộ được thu gom, xử lý triệt để theo quy định trước khi thải ra môi trường xung quanh. Hiện nay, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và trạm xử lý nước thải làng nghề dệt nhuộm xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân đã hoàn thành và đang vận hành ổn định.

(3) Làng nghề sản xuất da giày Nghĩa Hy, xã Hoàng Diệu, Gia Lộc, Hải Dương:

Làng nghề giày da Nghĩa Hy đã được UBND huyện Gia Lộc phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 03/7/2019, UBND huyện đang thực hiện di dời các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm môi trường vào CCN tập trung.

Theo Chương trình MTQG nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, để giải quyết xử lý CTR cho làng nghề, Bộ NN&PTNT đã phê duyệt dự án “Xây dựng mô hình xử lý CTR tại làng nghề sản xuất giày”, cụ thể: Xây dựng trạm xử lý CTR công suất 500 kg/h bằng lò đốt công nghiệp. Trạm xử lý CTR đã đầu tư xong lò đốt chất thải và đưa vào vận hành thử nghiệm từ tháng 7/2011, năm 2015 được bàn giao cho UBND xã Hoàng Diệu quản lý, tuy nhiên do lò đốt một số công đoạn vận hành còn chưa đảm bảo, UBND xã Hoàng Diệu gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí bộ phận, nhân lực quản lý vận hành nên trạm xử lý vẫn chưa đưa vào vận hành chính thức. Hiện tại UBND tỉnh đang xem xét phương án đề xuất của UBND xã Hoàng Diệu và UBND huyện Gia Lộc đề nghị giao việc quản lý, vận hành trạm xử lý cho Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Toàn Cầu áp dụng theo quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ).

UBND xã Hoàng Diệu đang thực hiện các hạng mục đầu tư cải tạo hệ thống thu gom và XLNT với tổng kinh phí 1 tỷ đồng từ nguồn sự nghiệp môi trường của tỉnh và của huyện.

(4) Làng nghề dệt nhuộm Phương La, xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, Thái Bình:

Dự án đầu tư xây dựng hệ thống XLNTTT công suất 800 m³/ngày đêm tại CCN làng nghề xã Thái Phương, huyện Hưng Hà với tổng kinh phí là 76,9 tỷ đồng, trong đó kinh phí Trung ương là 50% và đối ứng của địa phương là 50%. Dự án được thực hiện từ năm 2013. Đến nay, dự án đã hoàn thành nhưng chưa vận hành do Trạm XLNTTT chỉ tiếp nhận nguồn nước đầu vào sau khi đơn vị thứ cấp xử lý sơ bộ đạt QCVN 13-

MT:2015/BTNMT cột B (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm), tuy nhiên đến nay chưa có đơn vị nào đáp ứng yêu cầu trên. Mặt khác, do khối lượng nước thải của các cơ sở trong làng nghề phát sinh lớn hơn công suất xử lý của Trạm XLNTTT nên việc di dời các hộ sản xuất ra CCN đang gặp khó khăn do công suất của hệ thống xử lý không đáp ứng được.

(5) Làng nghề ươm tơ, dệt nhiều làng Hồng Đô, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa:

Xã Thiệu Đô đã đầu tư Cụm làng nghề ươm tơ dệt nhiều Hồng Đô (được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2013 và Văn bản số 1085/UBND-CN ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về chấp thuận chủ trương điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm làng nghề ươm tơ dệt nhiều Hồng Đô) với tổng mức đầu tư là 14,8 tỷ đồng. Sau khi triển khai xây dựng, đã điều chỉnh bổ sung một số hạng mục công trình với tổng mức đầu tư là 21.025 triệu đồng (tại Quyết định số 2753/QĐ- UBND ngày 29 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa). Hiện nay trong cụm làng nghề ươm tơ dệt nhiều Hồng Đô mới có 01 doanh nghiệp đã xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động. UBND huyện, xã đang yêu cầu các hộ ươm tơ dệt nhiều trong khu dân cư di dời vào cụm làng nghề.

UBND huyện, xã đã tiến hành xây dựng hệ thống thu gom nước thải với tổng mức đầu tư 453.406.417 đồng bao gồm: Hệ thống thu gom nước thải để thu gom nước thải từ các hộ sản xuất về khu xử lý nước thải và bể xử lý nước thải với công suất thiết kế 60 m³/ngày đêm; diện tích 47 m², mặt bằng thu gom hố thu, bể ủ bùn, bể trung gian, bể lọc màng MBR, bể kỵ khí và bể cân bằng. Kết cấu bể bằng BTCT M200, kết hợp xây gạch phân chia thành các bể chức năng.

2.1.5. Nhóm các làng nghề thủ công mỹ nghệ

(1) Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước, quận Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng:

Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước chưa được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương theo Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường để triển khai thực hiện. Để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, thành phố Đà Nẵng đã triển khai một số hoạt động như:

Từ năm 2014 đến nay, UBND quận Ngũ Hành Sơn đã bố trí đất sản xuất cho 361 hộ sản xuất tại Làng nghề tập trung với 526 lô đất, hiện nay còn 20 lô chưa được bố trí. Trong 361 hộ đã được bố trí đất, có 258 hộ đã di dời và đang hoạt động tại làng nghề tập trung, còn 103 hộ đã nhận đất nhưng chưa di dời vào làng nghề. Hệ thống cơ sở hạ tầng tại làng nghề tập trung gồm: hệ thống đường cống thu gom nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, nước mưa...

Năm 2014, UBND thành phố tiếp tục đầu tư xây dựng Trạm XLNTTT của làng nghề với công suất 1.500 m³/ ngày đêm, vận hành thử nghiệm từ 16/12/2015. Toàn bộ nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình và các công trình công cộng được xử lý cục bộ qua bể tự hoại riêng rẽ, sau đó theo các tuyến cống thoát nước sinh hoạt và tự chảy góp vào tuyến chung qua đường Mai Đăng Chơn, dọc sông Cổ Cò sẽ hình thành tuyến cống bao thu gom nước thải qua cầu trúc chuyển dòng chảy về hệ thống xử lý nước thải Hòa Xuân, toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý đều thải ra sông Cổ Cò.

Về thu gom và xử lý chất thải rắn: hiện nay trong khu vực làng nghề Công ty Môi trường đô thị đã bố trí một số thùng chứa rác trên các tuyến đường trong làng và hàng ngày công ty môi trường đô thị thu gom và xử lý.

(2) Làng nghề điêu khắc (chạm sành mỹ nghệ) Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, TP.Hà Nội:

Hiện nay, làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường. Để giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường UBND xã Hòa Bình có tổ nhóm thu gom rác thải thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải hàng ngày (đạt 92%); UBND huyện chỉ đạo đầu tư xây dựng hệ thống cống rãnh để thu gom nước thải tại tất cả các thôn, cụm, dân cư.

(3) Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ xã Vân Hà, huyện Đông Anh, TP.Hà Nội:

Hiện nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường. UBND Tp. Hà Nội đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết khoảng 10 ha đất để làm khu sản xuất tập trung cho làng nghề với hạ tầng về xử lý nước thải (công suất 500 m³/ngày đêm). UBND huyện Đông Anh đang tiến hành giải phóng mặt bằng, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều khó khăn, hạn chế về mặt bằng, công nghệ, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của người dân...

Bên cạnh đó, UBND TP Hà Nội đã triển khai Dự án xây dựng thử nghiệm mô hình xử lý bụi làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ tại xã Vân Hà. Cụ thể, năm 2012, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có lắp thí điểm một chiếc máy hút bụi gỗ ở xã Vân Hà để giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Máy được đặt tại nhà anh Nguyễn Văn Hợi, ở thôn Cổ Châu. Nhưng chiếc máy đó không đủ để xử lý bụi cho nhà dân cũng như cho làng nghề. Các cơ sở sản xuất tự khắc phục bằng cách quây bạt kín xung quanh xưởng của mình để hạn chế bụi gỗ bay ra ngoài.

(4) Làng nghề mây tre đan Yên Trường, xã Trường Yên, Chương Mỹ, TP.Hà Nội:

Hiện nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường. Từ năm 2012

đến nay, đã di dời 07 cơ sở sản xuất và Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Trường Yên (diện tích 9,7 ha) hiện đang có hơn 20 cơ sở hoạt động bao gồm cả 07 cơ sở sản xuất mây tre đan. Tuy nhiên, CCN chưa được đầu tư, xây dựng các hạng mục công trình về xử lý môi trường.

(5) Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, TP.Hà Nội:

Hiện nay làng nghề chưa lập và phê duyệt dự án khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề và cũng chưa có kinh phí hỗ trợ xử lý môi trường. UBND huyện chỉ đạo triển khai xây dựng xong 05 điểm công nghiệp làng nghề tập trung, tạo điều kiện phát triển các nghề truyền thống, đồng thời giải quyết mặt bằng để di chuyển các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trong các làng nghề đến điểm công nghiệp làng nghề tập trung gồm (Tiền Phong, Ninh Sở, Duyên Thái, Vạn Điểm, Văn Tự). Đầu tư xây dựng 01 trạm xử lý nước thải cho điểm CN làng nghề Duyên Thái với công suất 250 m³/ngày đêm, tuy nhiên, trạm XLNT tập trung làng nghề đã xuống cấp, có những hạng mục bị hư hỏng, chất lượng vận hành xử lý nước thải chưa hiệu quả, chi phí vận hành xử lý nước thải lớn. CTR được Tổ vệ sinh môi trường làng nghề thu gom chuyển về điểm tập kết; các cơ sở sản xuất trong khu dân cư gây ô nhiễm đã được di dời một phần ra địa điểm sản xuất tập trung.

2.1.6. Nhóm các làng nghề chăn nuôi, giết mổ

(1) Làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, Bắc Giang:

Thực hiện Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 29/08/2008 UBND huyện Việt Yên thực hiện hỗ trợ nhân rộng 90 hầm khí biogas (trong đó đầu tư 05 hầm tại các hộ có quy mô giết mổ lớn).

Dự án Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng có nghề giết mổ trâu bò, gia súc Phúc Lâm, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 với tổng kinh phí là 110,88 tỷ đồng (50% vốn ngân sách Trung ương và 50% vốn ngân sách địa phương đối ứng); tuy nhiên hiện nay chưa có kinh phí thực hiện.

Năm 2011, dự án Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường làng có nghề giết mổ gia súc Phúc Lâm, Việt Yên, Bắc Giang đã được Bộ KH&CN cùng với Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện. Năm 2013, dự án hoàn thành với kinh phí 4,943 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 1,75 tỷ; ngân sách tỉnh 1 tỷ; ngân sách địa phương 2,193 tỷ). Tuy nhiên, do quá trình hoạt động đã bị xuống cấp, nên tháng 7/2018, UBND huyện Việt Yên đã bố trí kinh phí từ ngân sách huyện thực hiện Dự án "Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, XLNTTT của thôn Phúc Lâm", trong đó nạo vét hệ thống cống thu nước, đập nắp bê tông toàn bộ hệ thống cống chính, nạo vét 03 hồ (hồ lắng, hồ điều hòa), cải tạo hệ thống thu gom thành bể tự hoại 03 ngăn

dung tích 200 m³ và sửa chữa bể khí biogas 1.500 m³. Đến nay, các hạng mục công trình đã cơ bản hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Năm 2019, trong khuôn khổ thực hiện nhiệm vụ “Tổ chức hướng dẫn triển khai nội dung Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng”, Vụ Quản lý chất lượng đã xây dựng mô hình thí điểm mô hình Khắc phục và nâng cao chất lượng nước ao bằng thực vật thủy sinh và chế phẩm sinh học cải tạo và xử lý nước ao theo phương pháp tự nhiên tại làng nghề giết mổ trâu bò Phúc Lâm. Kết quả cho thấy nhiều chỉ số giảm so với giai đoạn trước khi thực hiện mô hình, được đánh giá có hiệu quả tốt.

Năm 2018, Sở TN&MT xác nhận hồ sơ hoàn thành thực hiện các biện pháp xử lý ONMT nghiêm trọng (tại Quyết định số 305/QĐ-TNMT ngày 11/06/2018).

(2) Làng nghề giết mổ gia súc thôn Bái Đô, xã Tri Thủy, Phú Xuyên, TP. Hà Nội:

Năm 2010, UBND TP Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4355/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng cơ sở giết mổ và chế biến gia súc tập trung Quang Lãng, Tri Thủy tại xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên do Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội làm chủ đầu tư từ năm 2012 và dự kiến hoàn thành vào năm 2014 với quy mô 30 con trâu, bò/giờ trên diện tích gần 3 ha. Nhưng do nhiều năm Công ty này không triển khai nên UBND thành phố đã chấm dứt hoạt động của dự án. Hiện nay, UBND thành phố đã giao UBND huyện Phú Xuyên chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan kêu gọi doanh nghiệp có tiềm năng để đầu tư xây dựng công trình nhưng đến nay vẫn chưa có doanh nghiệp nào vào đầu tư thực hiện dự án.

2.1.7. Nhóm các làng nghề vật liệu xây dựng

Làng nghề sản xuất vôi hào Thị trấn Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế: Hiện tại, làng nghề sản xuất vôi hào Lăng Cô đã dừng hoạt động và được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-STNMT-MT ngày 08/8/2018 về việc chứng nhận cơ sở đã hoàn thành việc thực hiện các biện pháp xử lý triệt để theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ đối với Làng nghề sản xuất vôi hào Lăng Cô.

2.2. Tình hình ban hành và thực hiện các chính sách pháp luật về BVMT làng nghề

2.2.1. Chính sách pháp luật về BVMT làng nghề cấp Trung ương

Để thực hiện mục tiêu hoàn thiện các công cụ, chính sách, pháp luật cho công tác quản lý và BVMT làng nghề theo Đề án bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013), Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Bảo vệ môi trường năm 2020,

Trong đó, các quy định đã làm rõ đối tượng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại làng nghề thuộc và không thuộc danh mục ngành nghề được khuyến khích phát triển; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ về BVMT nói chung và BVMT làng nghề nói riêng giữa các Bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp. Bên cạnh đó Thủ tướng cũng đã phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung khắc phục và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

Để quy định một số nội dung, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Theo đó, từ ngày 01 tháng 6 năm 2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn tại trung ương. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn được giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; xây dựng và ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, kế hoạch BVMT và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với làng nghề; nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến công nghệ xử lý môi trường phù hợp với làng nghề để khuyến khích phát triển các ngành nghề nông thôn sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, hạn chế phát sinh chất thải và đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, hạn chế hình thành và phát triển các loại hình có tiềm năng gây ô nhiễm môi trường cao và chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương có liên quan ban hành danh mục làng nghề bị ô nhiễm môi trường cần xử lý.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1760/QĐ-TTg về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, theo đó Bộ Tài nguyên và Môi trường được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành nhiều Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường và một số quy chuẩn áp dụng cho ngành nghề sản xuất, kinh doanh đặc thù (Quy chuẩn kỹ thuật về phế liệu nhập khẩu để tái chế, khí thải lò đốt, nước thải công nghiệp giấy và bột giấy, nước thải công nghiệp dệt may, nước thải chế biến thủy sản, nước thải chế biến cao su, khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hữu cơ,...).

Cũng theo Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang rà soát lại danh mục các làng nghề bị ô nhiễm môi trường theo các phương án khác nhau để có phương án giám sát chất lượng môi trường phù hợp.

Để quy định cụ thể về công tác đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường, biện pháp quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và trách nhiệm quản lý môi trường tại các làng nghề, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 31/2016/TT- TNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Triển khai nhiệm vụ được giao Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các văn bản, cụ thể:

- Công văn số 3141/BTNMT-TCMT ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc đẩy mạnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới để hướng dẫn, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện.
- Công văn số 1797/BTNMT-TCMT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ TNMT gửi các địa phương để báo cáo hiện trạng công tác BVMT làng nghề.
- Công văn số 3003/BTNMT-TCMT ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc báo cáo công tác khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại 47 làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng thuộc 19 tỉnh thành trên cả nước.
- Công văn số 3497/TCMT-TVMT ngày 09 tháng 8 năm 2019 về việc điều tra, khảo sát hiện trạng môi trường và công tác quản lý môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng (thực hiện tại 28 làng nghề thuộc 13 tỉnh, thành phố).

2.2.2. Chính sách pháp luật về BVMT làng nghề tại các địa phương

Theo Báo cáo của các địa phương, hiện có 18/19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nằm trong danh sách có các làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng đã ban hành văn bản chuyên biệt hoặc có điều khoản quy định về BVMT làng nghề lồng ghép trong văn bản chung. Đây là một trong những chuyển biến rất tích cực trong công tác quản lý nhà nước về BVMT làng nghề, cụ thể như sau:

TP. Hà Nội: Quyết định số 6136/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án “Bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 23/2019/QĐ- UBND ngày 24/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về an hành quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Tp. Hà Nội.

Bắc Giang: Quyết định số 1565/QĐ-U N ngày 11 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển làng nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Bắc Ninh: Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐN ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Bắc Ninh và Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh về quan điểm và nguyên tắc xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn và ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 44/QĐ- UBND ngày 17 tháng 11 năm 2016 về Quy chế BVMT làng nghề, khu dân cư, cụm công nghiệp và khu kinh doanh dịch vụ làng nghề tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 11/2017/QĐ- UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc an hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch số 22/KH- UBND ngày 10 tháng 4 năm 2014 về việc triển khai thực hiện đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường: UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ- UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Hà Nam: Kế hoạch số 501/KH- UBND ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch số 922/KH-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2013 về tổ chức thực hiện đề án tổng thể Bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Nam Định: Quyết định số 12017/QĐ- UBND ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định an hành quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định; Kế hoạch số 52/KH- UBND ngày 09 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 64/KH- UBND ngày 10 tháng 10 năm 2013 về việc triển khai thực hiện Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 định hướng đến năm 2030; Văn bản số 454/STNMT-CCMT ngày 9 tháng 3 năm 2017 đề nghị UBND các huyện, thành phố đôn đốc các xã, phường có làng nghề lập phương án BVMT làng nghề theo quy định.

Thái Bình: Quyết định số 179/QĐ- UBND ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt chương trình, kế hoạch BVMT trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2017 - 2020; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2017 về việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 về việc tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh.

Hưng Yên: Quyết định số 28/2017/QĐ- UBND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

Hải Dương: Quyết định số 820/QĐ- UBND ngày 25 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống làng nghề tiểu thủ công

ng nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020 định hướng đến năm 2025; Kế hoạch số 1469/KH- UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thực hiện Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

Hải Phòng: Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 - 2020.

Ninh Bình: Đề án số 16/ĐA- UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2017 - 2020; Nghị Quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án số 24/ĐA- UBND ngày 18 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Bình về kiểm soát ô nhiễm và BVMT giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Năm 2018, Sở TN&MT đã dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường tỉnh Ninh Bình về nước thải công nghiệp và đang trình xin ý kiến của Bộ TN&MT.

Nghệ An: Nghị Quyết số 06/2019/NQ-HĐN ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về một số chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc an hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Thừa Thiên Huế: Quyết định số 597/QĐ- UBND ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề án “phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025”.

Quảng Nam: Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 07 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành quy định công nghệ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 3924/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt duy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, có xét đến năm 2035.

Đà Nẵng: Quyết định số 33/2018/QĐ- UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Bình Định: Quyết định số 44/2018/QĐ- UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Ban hành Quy chế phối hợp về quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn và công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Định; Nghị Quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc an hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2019 - 2025.

Bình Thuận: Quyết định số 355/QĐ- UBND ngày 5 tháng 2 năm 2010 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Bình Thuận đến năm 2020; Quyết định số 32/2015/QĐ- UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành quy định về công nhận và quản lý nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Trà Vinh: Quyết định số 2540/QĐ- UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014 - 2015; Kế hoạch số 14/KH-U N ngày 14 tháng 8 năm 2014 về việc ban hành Kế hoạch BVMT tỉnh Trà Vinh năm 2015.

Bến Tre: Quyết định số 1832/QĐ- UBND ngày 11 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh làng nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2013 - 2020; Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

CHƯƠNG 3: NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC BVMT LÀNG NGHỀ VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ PHÙ HỢP

3.1. Những khó khăn, tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề

3.1.1. *Vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định pháp luật về BVMT làng nghề*

Hiện nay, chỉ có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chung về môi trường mà hầu như chưa có riêng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường áp dụng cho các loại hình làng nghề. Do đặc thù loại hình, công nghệ sản xuất tại các làng nghề là rất khác nhau dẫn đến công tác đánh giá chưa thống nhất, chưa bám sát với thực tế ô nhiễm môi trường tại nhiều địa phương. Trong danh mục 07 loại hình làng nghề sản xuất đặc thù mới chỉ có 02 loại hình sản xuất có QCVN riêng (QCVN 13-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm; QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản). Trên thực tế khi áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với các cơ sở tiểu thủ công nghiệp trong làng nghề đã gặp nhiều khó khăn do năng lực xử lý chất thải của các cơ sở này rất hạn chế. Nếu căn cứ theo quy chuẩn xả thải hiện hành để áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở trong làng nghề thì tất cả các cơ sở đều bị xử phạt, thậm chí không ít trường hợp, mức xử phạt còn vượt quá năng lực thi hành của các cơ sở sản xuất. Hơn nữa, dù có vi phạm và bị xử phạt, các cơ sở đang vi phạm do những điều kiện chủ quan và khách quan cũng không thể khắc phục ngay được tình trạng xả thải vượt quy chuẩn trong một thời gian ngắn. Chính điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến tính khả thi và hiệu lực pháp lý của các quy định hiện hành.

Tiêu chí đánh giá, phân loại làng nghề theo mức độ ô nhiễm môi trường theo Phụ lục 3, Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 còn nhiều bất cập như:

- + Số lượng các vị trí lấy mẫu tại mỗi làng nghề chưa được xác định, cách tính cụ thể hệ số ô nhiễm A để đưa ra đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề (tính trung bình cộng hay tính cho từng vị trí...).

- + Các thông số ô nhiễm đặc thù theo thành phần môi trường đối với các loại hình sản xuất đặc thù tại Bảng 2.1 của Thông tư chưa có giá trị ngưỡng quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh tương ứng (VD: thông số kim loại Al, Fe trong môi trường đất tại nhóm làng nghề cơ kim khí; thông số tổng N, P trong môi trường nước mặt tại nhóm làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm).

Theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, việc áp dụng các tiêu chí để công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống còn nhiều bất cập trên thực tế tại các địa phương dẫn tới công tác thống kê, báo cáo và đánh giá hoạt động BVMT của các làng nghề là rất khó khăn.

3.1.2. Khó khăn về hạ tầng, cơ sở vật chất về BVMT

Kết cấu hạ tầng nông thôn như hệ thống đường sá, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điểm tập kết chất thải... rất yếu kém hoặc không đáp ứng được nhu cầu của phát triển sản xuất, chất thải không được thu gom và xử lý, dẫn đến nhiều làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng, cảnh quan bị phá vỡ.

Quy mô sản xuất nhỏ, việc mở rộng sản xuất lại rất khó vì mặt bằng sản xuất chật hẹp, xen kẽ với sinh hoạt trong khu dân cư; chất thải phát sinh không bố trí được mặt bằng để xử lý, lại ở trên một phạm vi hẹp, nên đã tác động trực tiếp đến môi trường sống, ảnh hưởng trực tiếp tới điều kiện sinh hoạt và sức khỏe của người dân.

Công tác di dời vào khu, cụm công nghiệp tập trung bên ngoài khu dân cư, chuyển đổi ngành nghề sản xuất còn rất chậm và thiếu hiệu quả. Trong danh mục 47 làng nghề tại 19 tỉnh, thành trên cả nước hiện mới có khoảng 06/47 làng nghề có khu cụm, công nghiệp chiếm 13%, còn lại là các làng nghề hiện đã có quy hoạch khu, CCN nhưng chưa triển khai di dời hoặc chỉ mới di dời được một phần.

3.1.3. Hạn chế về quy mô và công nghệ sản xuất

Quan hệ sản xuất tại các làng nghề mang nét đặc thù là quan hệ họ hàng, dòng tộc, làng xã, đặc biệt là ở các làng nghề truyền thống, nên việc sử dụng lao động mang tính chất gia đình, sản xuất theo kiểu “gia truyền” dẫn tới việc “giấu” công nghệ sản xuất và nguyên liệu, hóa chất sử dụng; chưa áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, gây lãng phí tài nguyên và phát sinh nhiều chất thải gây ô nhiễm môi trường.

Công nghệ sản xuất lạc hậu, thủ công, thiết bị cũ và chắp vá, bên cạnh ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, tiêu hao nhiên liệu, điện, nước, còn kéo dài thời gian sản xuất và phát sinh ô nhiễm, đặc biệt là tiếng ồn, bụi, nhiệt,...

Vốn đầu tư cho sản xuất hạn hẹp, nên việc đầu tư ử lý ô nhiễm là hầu như không có. Ngay cả trong những trường hợp, nhiều cơ sở sản xuất liên doanh theo hướng hình thành các doanh nghiệp/hợp tác xã lớn, có doanh thu không nhỏ, nhưng vẫn không đầu tư cho xử lý chất thải và BVMT.

3.1.4. Nhận thức về BVMT của các chủ cơ sở sản xuất làng nghề còn hạn chế

Nếp sống tiểu nông, tư duy sản xuất nhỏ, chỉ quan tâm đến lợi nhuận trước mắt, nên các cơ sở sản xuất tại làng nghề thường lựa chọn quy trình sản xuất thô sơ, lạc hậu, tận dụng nhiều sức lao động trình độ thấp, nhân công rẻ. Hơn nữa, để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng nguyên liệu rẻ tiền, hóa chất độc hại, làm tăng nguy cơ và mức độ ô nhiễm của làng nghề, tác động tiêu cực tới môi trường, sức khỏe cộng đồng và chính bản thân người lao động.

Nhận thức về tác hại của ô nhiễm đến sức khỏe và ý thức trách nhiệm BVMT của các cơ sở sản xuất tại làng nghề rất hạn chế. Hầu hết các cơ sở sản xuất coi trách nhiệm

xử lý ô nhiễm môi trường không phải là trách nhiệm của mình, mà là trách nhiệm của chính quyền địa phương. Đồng thời, chính quyền địa phương ở nhiều nơi cũng coi đây là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước cấp trên trong việc đầu tư xử lý ô nhiễm, mà không bám sát nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải khắc phục, xử lý ô nhiễm”. Đây chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới ô nhiễm môi trường tại nhiều làng nghề chưa được quan tâm, xử lý.

3.1.5. Khó khăn về nguồn lực

Mặc dù công tác BVMT làng nghề đã được các địa phương quan tâm, chú trọng trong những năm gần đây, tuy nhiên kinh phí cho BVMT làng nghề chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, chưa phát huy được hiệu quả sự hỗ trợ và đầu tư của Quỹ BVMT cho các dự án nghiên cứu xử lý chất thải làng nghề, việc áp dụng, triển khai các công nghệ thân thiện môi trường tại các cơ sở sản xuất trong nhiều làng nghề còn rất hạn chế.

Nguồn lực tài chính phân bổ hàng năm cho công tác BVMT nói chung còn hạn hẹp, đặc biệt là nguồn kinh phí sử dụng cho các hoạt động xử lý tình trạng ONMT tại các làng nghề đã hạn chế, lại chưa được sử dụng hiệu quả... Mặc dù là một nội dung quan trọng trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, hầu hết các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng lại không nằm tại các xã phấn đấu về đích hoặc đạt dưới 5 tiêu chí nên không được ưu tiên bố trí kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện xử lý ô nhiễm.

Bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa thực hiện phân bổ kinh phí hợp lý từ hai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững để thực hiện các chương trình, dự án nhiệm vụ cấp bách khác. Nhiều địa phương chỉ tập trung đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, cải tạo môi trường mà không có biện pháp ngăn chặn, kiểm soát các nguồn xả thải, các hộ sản xuất không thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về BVMT dẫn đến việc các vấn đề về ô nhiễm môi trường tại các làng nghề chưa được xử lý triệt để, dứt điểm.

3.2. Đề xuất một số giải pháp quản lý phù hợp

Cụ thể hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước coi “ BVMT là nhiệm vụ của toàn xã hội, của các cấp, các ngành, các tổ chức cộng đồng và của mọi người dân” việc xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề trước hết là trách nhiệm của các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất tại các làng nghề, đồng thời cũng là trách nhiệm của chính quyền địa phương, của các Bộ, ngành liên quan. Chính quyền các cấp ở địa phương có vai trò chủ động trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về BVMT, hỗ trợ và dẫn dắt các hoạt động BVMT ở làng nghề. Trách nhiệm của cộng đồng sản xuất, kinh doanh làng nghề bao gồm trách

nhiệm của bản thân cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với BVMT (thuế, phí, BVMT, Quy chuẩn môi trường...) và chia sẻ trách nhiệm cải thiện môi trường với dân cư xung quanh. Bên cạnh đó, trách nhiệm của cộng đồng dân cư làng nghề không chỉ giới hạn ở sự tự giác trong ý thức, nhận thức về BVMT mà còn cả trong hành động, trong tham gia các hoạt động BVMT ở địa phương.

Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề phải tuân thủ nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững.

Trên cơ sở quan điểm, chủ trương đã nêu, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề góp phần thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên phạm vi cả nước các bộ, ngành, địa phương và các làng nghề, các hộ gia đình, tổ chức cá nhân hoạt động sản xuất trong làng nghề triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

3.2.1. Nhóm các giải pháp chung

- Bộ NN&MT cần:

+ Nhanh chóng xây dựng, ban hành các văn bản, quy định về thống nhất cách hiểu đúng về làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn và phương thức quản lý phù hợp như: Xây dựng tiêu chí “làng nghề xanh” “làng nghề du lịch”... Công bố rộng rãi trên quy mô toàn quốc Danh mục các làng nghề được công nhận, lập kế hoạch và lộ trình đầu tư kinh phí từ các nguồn ngân sách nhà nước cấp Trung ương và địa phương và các nguồn khác để nâng cấp cơ sở hạ tầng (điện, đường, hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thu gom chất thải rắn, quy hoạch tỷ lệ cây xanh nông thôn) cho các làng nghề đã được công nhận.

+ Ban hành lộ trình và hệ số áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với đặc thù mô hình sản xuất của làng nghề, cụ thể: Nhóm làng nghề tái chế phế liệu (QCVN về nước thải ngành tái chế giấy, nhựa, phế liệu và kim loại), Nhóm làng nghề chế tác kim loại và cơ kim khí (bổ sung các QCVN về hàm lượng kim loại nặng trong môi trường đất, nước như: Al, Fe, Mn, As...). Bên cạnh đó, cần nghiên cứu, sửa đổi Thông tư 31/2016/TT-TNMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 để khắc phục khó khăn khi áp dụng hướng dẫn để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường về tính toán hệ số ô nhiễm A và cách phân loại làng nghề.

- Bộ Tài chính trình Chính phủ về tăng cường nguồn kinh phí đầu tư cho công tác khắc phục, cải thiện ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề đặc biệt ô nhiễm nghiêm trọng. Từ Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2012 - 2015 (theo Quyết định số 1206/QĐ-TTg ngày 02 tháng 09 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ) chỉ mới hỗ trợ 245 tỷ đồng cho các làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng. Từ năm 2016, chương trình được lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 (theo Quyết định số

1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ) thì nguồn hỗ trợ kinh phí là rất thấp và thiếu hiệu quả.

- UBND cấp tỉnh là đơn vị trực tiếp quản lý các làng nghề cần chỉ đạo quyết liệt các cấp chính quyền (đặc biệt là UBND cấp xã) trong hoạt động quản lý môi trường làng nghề, phối hợp giữa các ngành môi trường và các ngành có liên quan khác (đặc biệt là ngành điện, công an, thuế...) để áp dụng các hình thức cưỡng chế, xử lý phù hợp đối với các cơ sở cố tình vi phạm quy định của pháp luật (cắt điện, cắt nước, khống chế ra/vào cơ sở sản xuất...). Thực hiện công tác di dời triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nằm trong khu dân cư ra KCN, CCN tập trung hoặc tạm dừng hoạt động của các cơ sở cho đến khi có biện pháp xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Tăng cường công tác giáo dục tuyên truyền thường xuyên, rộng rãi trên nhiều phương diện cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác BVMT nói chung và BVMT làng nghề nói riêng. Đây là giải pháp đặc biệt cần sự chung tay của cả cộng đồng, các cá nhân, tổ chức... và phải được duy trì thường xuyên, liên tục.

3.2.2. Các giải pháp riêng cho từng nhóm ngành làng nghề

3.1.2.1. Nhóm làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm

Với tổng số 17 làng nghề chiếm 36,2% tổng số làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng. Đây là nhóm làng nghề có nhu cầu sử dụng nước rất lớn, hàm lượng chất hữu cơ trong nước thải cao gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, với nhiều loại hình sản xuất đa dạng: nấu rượu, bánh bún, chế biến tinh bột, làm miến, chế biến thủy hải sản... do đó để giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường cần triển khai các biện pháp cụ thể:

+ Tận dụng các loại nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất kết hợp phục vụ công tác chăn nuôi (nước vo gạo, bánh bún, chế biến tinh bột...) nhằm hạn chế tối đa lượng nước thải phát sinh ra môi trường.

+ Đối với các hộ sản xuất có quy mô nhỏ lẻ phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải như bể lắng, bể lọc... đảm bảo nước thải đầu ra sau hệ thống đạt Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các làng nghề, khu, cụm sản xuất, thực hiện đầu nối hệ thống nước thải sản xuất của các hộ sản xuất vào hệ thống xử lý đồng bộ đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

3.1.2.2. Nhóm làng nghề chế tác kim loại và cơ kim khí

Loại hình sản xuất chế tác kim loại và cơ kim khí có 09 làng nghề chiếm 19,2%. Quá trình tái chế và gia công kim loại làm phát sinh hơi axit, kiềm từ khâu tẩy rửa, làm sạch bề ngoài trước khi mạ, hơi một số kim loại axit như P_2O_5 , ZnO , Al_2O_3 và ô nhiễm

nhiệt. Nước thải từ các quá trình gia công cơ kim khí phát sinh từ công đoạn làm mát, tẩy rửa mạ kim loại chứa nhiều bụi bẩn, rỉ sắt, dầu mỡ và các hóa chất độc hại như: HCl, NaOH, Cr, Ni, Fe, CN⁻,... Ngoài ra, môi trường đất cũng bị ảnh hưởng bởi các kim loại nặng tồn lưu. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề bao gồm:

- + Cải tiến và đầu tư công nghệ sản xuất hạn chế tối đa phát sinh các loại chất thải như hơi axit, bụi kim loại, tiếng ồn, nhiệt, nước thải...

- + Đầu tư và xây dựng hệ thống xử lý khí thải, nước thải tập trung đảm bảo đạt QCVN về môi trường.

- + Tiến hành điều tra, khảo sát chất lượng đất tại các làng nghề để có cơ sở đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường các làng nghề theo Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày từ đó có các biện pháp quản lý phù hợp.

3.1.2.3. Nhóm làng nghề tái chế phế liệu

Nhóm làng nghề sản xuất và tái chế phế liệu có tổng số 08 làng nghề chiếm 17% trong đó có 02 làng nghề tái chế kim loại và 06 làng nghề tái chế giấy và nhựa. Đặc trưng nước thải của các làng nghề tái chế giấy và nhựa là hàm lượng chất rắn TSS và chất hữu cơ cao (sản xuất bột giấy, xơ sợi), các hóa chất (thuốc tẩy, hóa chất, thuốc trừ sâu) và các vi sinh vật gây bệnh. Với các làng nghề tái chế kim loại nước thải chứa hàm lượng COD, các thông số kim loại nặng đặc trưng. Quá trình sản xuất làm phát sinh bụi, chất thải rắn cũng là tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề bao gồm:

- + Thực hiện di dời các cơ sở sản xuất, làng nghề còn lại vào khu, cụm công nghiệp tập trung bao gồm: làng nghề tái chế nhôm Mẫn Xá, làng nghề tái chế phế liệu phường Tràng Minh, làng nghề tái chế nhựa Phan Bôi, làng nghề tái chế nhựa Vô Hoạn. Trong đó, cần đầu tư đồng bộ công nghệ, dây chuyền sản xuất hiện đại, tập trung với đầy đủ hạ tầng đảm bảo yêu cầu về BVMT: hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống quản lý chất thải rắn (lò đốt CTR, kho chứa CTNH...).

- + Xử lý và khắc phục lượng chất thải rắn còn tồn đọng lớn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đối với các làng nghề tái chế giấy và nhựa: làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, làng nghề tái chế phế liệu phường Tràng Minh.

- + Thực hiện đăng ký chủ nguồn thải đối với các cơ sở có phát sinh chất thải nguy hại. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

3.1.2.4. Nhóm làng nghề dệt nhuộm, thuộc da

Nhóm làng nghề này có 05 làng nghề (chiếm 10,6%) với 04 làng nghề dệt nhuộm và 01 làng nghề sản xuất da giày. Tại các làng nghề này nguồn nước bị ảnh hưởng bởi những dung môi (độ màu, acid) và chất hữu cơ (BOD, COD) cùng với các kim loại nặng (Cr, As...). Ô nhiễm không khí với các làng nghề này chủ yếu mang tính cục bộ trong khu vực sản xuất như ụi từ các máy dệt, hơi hữu cơ từ quá trình gia công dày da. Ngoài

ra một lượng lớn chất thải rắn bao gồm: vụn bông, vãi vụn, vỏ hộp keo thải, xi thải, chai lọ hóa chất sử dụng. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cụ thể:

- + Quy hoạch, di dời các làng nghề vào khu, cụm công nghiệp tập trung trong đó cần đầu tư đồng bộ các hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải, bụi giảm thiểu tiếng ồn.

- + Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất cần được thu gom, phân loại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý, đặc biệt là các loại chất thải rắn nguy hại (thùng đựng dung môi, acid, hóa chất tẩy nhuộm...).

3.1.2.5. Nhóm làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ

Nhóm làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ có tổng số 05 làng nghề chiếm 10,6%. Ô nhiễm bụi phát sinh ở các làng nghề thủ công mỹ nghệ chủ yếu là bụi, SiO₂, CO, SO₂, NO_x, HF, THC. Các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với nhóm làng nghề này bao gồm:

- + UBND cấp tỉnh cần xây dựng quy hoạch phát triển ngành nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ gắn liền với hoạt động quảng bá du lịch với các cam kết thực hiện tốt các quy định về BVMT làng nghề.

- + Các cơ sở sản xuất làng nghề áp dụng các biện pháp kiểm soát tiếng ồn, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và các biện pháp xử lý tại chỗ theo quy định; thực hiện thu gom, phân loại, tập kết đúng nơi quy định chất thải rắn; đối với chất thải nguy hại (nếu có) phải thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có giấy phép hành nghề theo quy định.

3.1.2.6. Nhóm làng nghề chăn nuôi, giết mổ

Các hộ gia đình cần tận dụng các loại thức ăn dư thừa và các loại chất thải rắn phát sinh có thành phần hữu cơ cao (xương, sừng, nội tạng lẫn phân trâu, bò...) đem ủ làm sản xuất phân bón, xây dựng và sử dụng hầm biogas.

Quy hoạch, xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo hướng công nghiệp hóa chuỗi giá trị khép kín, áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại và đồng bộ. Các địa phương cần ưu tiên bố trí quỹ đất dành cho việc xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn theo quy hoạch, đảm bảo thuận tiện trong việc gắn kết cơ sở giết mổ với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phát triển bền vững là quan điểm chung đối với mọi sự phát triển ở nước ta, trong đó có làng nghề. BVMT làng nghề phải là trách nhiệm chung của chính quyền các cấp, địa phương, của cộng đồng sản xuất, kinh doanh và của cộng đồng dân cư làng nghề gắn liền với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Vì vậy, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề hiệu quả cần phải áp dụng tổng hợp các giải pháp quản lý như đưa ra các chính sách, luật pháp về BVMT làng nghề, quy hoạch môi trường, quan trắc kiểm soát ô nhiễm môi trường làng nghề, giáo dục nâng cao nhận thức kết hợp với các giải pháp kỹ thuật như áp dụng sản xuất sạch hơn, xử lý ô nhiễm. Bên cạnh đó, cần chú ý kết hợp các biện pháp mang tính khuyến khích các hoạt động BVMT và đặc biệt chú trọng các biện pháp, chế tài nhằm hạn chế, ngăn cấm các hành vi gây tổn hại tới môi trường làng nghề. Đối với các làng nghề đang bị ô nhiễm nghiêm trọng cần phải kiên quyết và khẩn trương xử lý môi trường.

Các nhiệm vụ chủ yếu tăng cường quản lý môi trường tại các làng nghề, cụ thể:

Nghiên cứu và rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các khu, cụm công nghiệp và làng nghề trên phạm vi cả nước, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật nói chung, bám sát thực tế và theo kịp tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước, diễn biến nhanh và mức độ phức tạp của các vấn đề môi trường.

Thể chế hóa kịp thời và tổ chức thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đối với khu vực làng nghề, chú trọng nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, giữa Trung ương với địa phương.

Tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các khu vực làng nghề từ Trung ương đến địa phương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngày càng lớn, phức tạp. Rà soát phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý môi trường các cấp, nhất là ở các địa phương, ưu tiên cấp xã đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và xuyên suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Tăng cường đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Tăng chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường, tập trung giải quyết vấn đề môi trường gây bức xúc, tồn đọng kéo dài. Tăng cường vai trò điều phối, phân bổ nguồn lực đầu tư, chi ngân sách cho hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp, quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề. Tổ chức đánh giá, xếp hạng về công tác BVMT tại các làng nghề của các địa phương các năm tiếp theo.

Xây dựng, cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về các khu, cụm công nghiệp làng nghề trên phạm vi cả nước vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và ở các ngành, các cấp; cung cấp kịp thời, chính xác đầy đủ các thông tin môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường. Tiếp tục quan tâm xây dựng các dự án liên quan về bảo vệ môi trường làng nghề nhằm kêu gọi hỗ trợ từ nguồn vốn ODA.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường.

Lập quy hoạch và thực hiện lộ trình chuyển đổi các làng nghề sang mô hình khu, cụm công nghiệp làng nghề hợp lý có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ tiên tiến vào các làng nghề đặc biệt là công nghệ thân thiện với môi trường; hình thành các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý môi trường tại các làng nghề.

Thiết lập cơ sở dữ liệu về các dự án, cơ sở sản xuất tại các khu, cụm công nghiệp làng nghề thuộc đối tượng cần kiểm soát đặc biệt trên phạm vi cả nước phục vụ theo dõi, giám sát.

Hoàn thành việc đánh giá, rà soát sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, làng nghề để đề xuất nâng cấp điều chỉnh, bổ sung.

Rà soát quản lý chặt chẽ việc công nhận làng nghề gắn với các điều kiện về bảo vệ môi trường; hoàn thành việc rà soát lại danh mục làng nghề đã được công nhận, bảo đảm 100% làng nghề được công nhận đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường; hoàn thành việc phân loại các cơ sở sản xuất trong làng nghề theo loại hình sản xuất và tiềm năng gây ô nhiễm môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ TN&MT, 2015. Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia 2014 - Môi trường nông thôn.
- [2]. Bộ TN&MT, 2021. Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.
- [3]. Bộ NN&PTNT, 2020. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường.
- [4]. Chính phủ, 2013. Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 04 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.
- [5]. Nguyễn Thị Thu Hà, 2023. Đề xuất giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường nước ở các làng nghề. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam bản điện tử*, số ra ngày 23/10/2023.
- [6]. Đề tài KC.08.09 năm 2005: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng các chính sách và giải pháp cải thiện môi trường các làng nghề nông thôn Việt Nam.